

Số: 1043/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học  
ngành Kinh tế phát triển

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-HVCSPT ngày 25/08/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế phát triển;

Căn cứ đề xuất của viện Chính sách công và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế phát triển, áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (có mô tả chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Kinh tế phát triển, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1043/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

## **PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo: **KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

Tên tiếng Việt: **KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

Tên tiếng Anh: **DEVELOPMENT ECONOMICS**

- Mã số ngành đào tạo: **7310105**

- Trình độ đào tạo: Cử nhân

- Thời gian đào tạo: 3.5 – 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt:

**CỬ NHÂN KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

**Chuyên ngành: Kế hoạch Phát triển**

Tên tiếng Anh:

**BACHELOR OF DEVELOPMENT ECONOMICS**

**Major: Development Planning**

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: **KHOA KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

### **1.2. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo này là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có kiến thức và kỹ năng để làm việc một cách khoa học trong: xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ở cả khu vực công và khu vực tư; nghiên cứu, đánh giá, dự báo tình hình kinh tế xã hội; nghiên cứu và đánh giá chính sách, chương trình, dự án; thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; các hoạt động vì trách nhiệm xã hội.

#### **1.2.2. Mục tiêu cụ thể**

**Về kiến thức:** Sau khi học xong chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT1) Có kiến thức đại cương về kinh tế, từ đó nắm bắt được những quy luật kinh tế cơ bản cũng như cách thức vận hành của nền kinh tế;

(MT2) Có kiến thức đặc trưng của sinh viên ngành Kinh tế phát triển, gồm kiến thức về: thực tiễn chính sách và pháp luật trong kinh tế và kinh doanh; xây dựng và thực thi kế hoạch; phân tích, đánh giá, đề xuất chính sách kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, và các chính

sách phát triển kinh tế bền vững và bao trùm; phân tích, đánh giá, dự báo các vấn đề phát triển kinh tế xã hội;

(MT3) Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn: trong xây dựng và thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển ở cả khu vực công và khu vực tư; trong nghiên cứu, đánh giá các chương trình và dự án phát triển; trong các nghiệp vụ kinh tế và kinh doanh mà sinh viên theo học ở các học phần tự chọn.

**Về kỹ năng:** Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT4) Có kỹ năng đọc, thu thập thông tin, tổng hợp tài liệu, vận dụng lý thuyết, phân tích và xử lý các dạng dữ liệu gồm dữ liệu định tính, dữ liệu định lượng và dữ liệu không gian để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.

(MT5) Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, tự cập nhật kiến thức và thông tin.

(MT6) Có các kỹ năng phổ biến của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế, gồm kỹ năng quản lý tài chính, kỹ năng dự báo thị trường, kỹ năng đàm phán và giao dịch, kỹ năng văn phòng; và các kỹ năng mềm khác như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định.

**Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

(MT7) Sau khi học xong chương trình này, sinh viên có khả năng tiếp tục tự học và phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bản thân; có thể làm việc độc lập, chủ động và có trách nhiệm cao trong công việc; Sinh viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, và có trách nhiệm với xã hội.

**Về vị trí và nơi làm việc sau tốt nghiệp:**

Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ có đủ năng lực để làm việc tại (nhưng không giới hạn ở) những vị trí sau:

- + Bộ phận xây dựng, thực thi, theo dõi, giám sát và đánh giá kế hoạch phát triển các cấp từ trung ương đến địa phương;
- + Bộ phận xây dựng, thực thi, theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch tại các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- + Bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế, thị trường ở các cơ quan nhà nước, các tổ chức tài chính, các tập đoàn, các doanh nghiệp, và các tổ chức kinh tế khác
- + Các bộ phận liên quan đến kinh tế và kinh doanh như marketing, kế toán, kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng, tài chính tại các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

**1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học:**

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

#### ***1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường***

Sinh viên sau khi ra trường có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

### **1.3. Thông tin tuyển sinh**

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển

### **1.4. Điều kiện nhập học**

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển

## **PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Chuẩn đầu ra**

#### **A. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

Tất cả sinh viên sau khi tốt nghiệp có những năng lực sau:

##### **A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện:**

- (1) Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- (2) Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;
- (3) Vận dụng phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;
- (4) Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;

##### **A.2. Chuẩn đầu ra chung của ngành:**

- (5) Giải thích được cơ chế vận hành và tác động, đề xuất được ý tưởng các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;
- (6) Đánh giá được nội dung, đề xuất được một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;
- (7) Vận dụng được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;
- (8) Vận dụng được các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;

##### **A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành:**

- (9) Vận dụng được lý thuyết và các phương pháp lập kế hoạch vào việc xây dựng và thực thi kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân và kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội;
- (10) Áp dụng được lý thuyết và các phương pháp phân tích không gian vào quá trình xây dựng và đánh giá một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân;
- (11) Phân tích được các mô hình kinh tế phát triển khác nhau;
- (12) Trình bày và phân tích, ra quyết định được trước các tình huống pháp luật trong kinh tế, kinh doanh, thương mại và đầu tư;
- (13) Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định lượng trong các phân tích về dự báo kinh tế vĩ mô, phân tích chi phí lợi ích, nghiên cứu thị trường, phân tích tài chính;
- (14) Áp dụng được các kiến thức về quản trị, marketing, kế toán, tài chính và xuất nhập khẩu vào xây dựng và thực thi kế hoạch ở các cấp độ khác nhau.

#### **B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

- (15) Có khả năng đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách;

(16) Có khả năng trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến xây dựng, thực thi và đánh giá kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân;

(17) Có kỹ năng ra quyết định;

(18) Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;

### **C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp**

(19) Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

(20) Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

## **2.2. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp**

*Nhóm 1 - Chuyên viên tư vấn, phân tích chính sách về kinh tế phát triển:* Có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp trung ương và địa phương; có thể đảm nhận các công việc cụ thể: Phân tích thực trạng, đánh giá tác động của tăng trưởng và phát triển kinh tế; tham gia lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; có thể tư vấn giải pháp, chính sách phục vụ cho phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực chính sách công, phát triển bền vững; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn, cán bộ hoạch định chính sách và cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước.

*Nhóm 2 - Cán bộ dự án:* Có đủ năng lực làm việc tại các dự án phát triển, các tổ chức phát triển và các doanh nghiệp; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: Phân tích thực trạng kinh tế - xã hội của cộng đồng, quốc gia; tham gia lập kế hoạch và thực hiện dự án phát triển; tổng hợp, nghiên cứu, phân tích và tham gia hoạch định chính sách phát triển; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia, cán bộ quản lý tại các dự án, tổ chức phát triển.

*Nhóm 3 - Nghiên cứu viên và giảng viên:* Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: giảng dạy các môn liên quan đến Kinh tế học; nghiên cứu, tư vấn về kinh tế và kinh tế phát triển; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu.

*Nhóm 4 – Làm việc trong khu vực doanh nghiệp:* Thực hiện nghiệp vụ lập kế hoạch và một số nghiệp vụ khác trong mảng kinh tế, kinh doanh, tài chính, kế toán (tùy theo lựa chọn chương trình học của sinh viên trong tập hợp các môn lựa chọn) thuộc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

## **2.3. Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CDR của CTĐT**

CTĐT ngành Kinh tế phát triển – chuyên ngành Kế hoạch phát triển được phát triển dựa trên lý thuyết Sáng tạo tri thức của Nonaka. Đây là một lý thuyết thuộc lĩnh vực quản trị tri thức nổi tiếng của Nhật Bản được áp dụng thành công trong các doanh nghiệp và tập đoàn lớn ở Nhật và nhiều quốc gia khác. Lý thuyết này đề cao vai trò của sự thấu cảm và tương tác trong môi trường học tập, nhấn mạnh các vấn đề liên hệ kiến thức từ học tập đến áp dụng vào thực tiễn, kết nối kiến thức để có tư duy logic, và vấn đề tự học để biến tri thức học hỏi thành của chính mình và sáng tạo tri thức mới. Lý thuyết này cũng cho rằng điều kiện cần để thực hiện được quá trình sáng tạo tri thức là phải có một môi trường đa dạng kiến thức và kỹ năng, môi trường dân chủ và tin tưởng, cơ hội tương tác được chú trọng, và tất cả mọi người tham gia đều coi trọng sự sáng tạo tri thức. Nội dung đào tạo của chuyên ngành Kế hoạch phát triển được thiết kế bám sát theo tư tưởng của lý thuyết trên, trong đó đặc biệt coi trọng sự thấu

cảm giữa giảng viên và sinh viên, giữa giảng viên với nhau, và giữa sinh viên với nhau; coi trọng việc liên hệ thực tiễn, các hoạt động ngoại khóa của sinh viên; thúc đẩy tinh thần tự học và tự sáng tạo. Chương trình đào tạo của chuyên ngành cũng tạo ra một tập hợp linh hoạt và đa dạng kiến thức và kỹ năng. Theo đó, sinh viên được học những môn chuyên ngành đặc trưng của ngành Kinh tế Phát triển và của chuyên ngành Kế hoạch Phát triển. Ngoài ra, sinh viên còn được tự mình lựa chọn một tập hợp các môn học của nghiệp vụ khác như kế toán, luật, kinh doanh xuất nhập khẩu, phân tích dữ liệu, ...trong Học viện để đa dạng hóa kiến thức và kỹ năng của mình. Một số môn học thuộc trục mục tiêu chính của chuyên ngành được xây dựng có tham khảo và chất lượng chương trình đào tạo của một số trường đại học lớn trong và ngoài nước như: Phân tích chi phí lợi ích, Kế hoạch kinh doanh; Kế hoạch phát triển kinh tế địa phương; Phân tích không gian.



### PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ, bao gồm:

1. Kiến thức Giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (không bao gồm kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)
2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 21 tín chỉ
3. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn: 9 tín chỉ
4. Kiến thức ngành bắt buộc: 18 tín chỉ
5. Khối kiến thức ngành lựa chọn: 6 tín chỉ
6. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 19 tín chỉ
7. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn: 6 tín chỉ
8. Khối kiến thức lựa chọn tốt nghiệp: 10 tín chỉ

#### 3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Giáo dục đại cương</b>			<b>41</b>	<b>31,5%</b>
1	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	3
3	TOĐC06	Tin học đại cương	3	3
3	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	3	1
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
6	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	1
7	THTT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	1
8	KHMA03	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	1
10	TOLT07	Lý thuyết 5ác suất và thống kê toán	3	3
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
13	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	3
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	3
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
<b>Giáo dục thể chất</b>				
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	3	1
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 3*	3	3
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	3	3

<b>Giáo dục quốc phòng</b>				
21	GDQP03	Giáo dục quốc phòng*	8	1
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>			<b>18</b>	<b>13,8%</b>
1	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3	4
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 3	3	4
4	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	5
5	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 3	3	5
6	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>			<b>9</b>	<b>6,9%</b>
1	QTHO06	Quản trị học	3	4
3	QTMC03	Marketing căn bản	3	4
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	3	5
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
5	TCTT33	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
6	TCTH36	Thuế	3	5
7	TCDN34	Tài chính doanh nghiệp	3	4
8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
9	PTDL03	Cơ sở của khoa học dữ liệu	3	5
10	LUKT31	Tư duy pháp lý	3	5
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
12	LUKT13	Pháp luật doanh nghiệp	3	5
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>			<b>18</b>	<b>13,8%</b>
1	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 1	4	5
3	KHCO09	Đầu tư công	3	5
3	LUKT03	Pháp luật kinh tế	3	5
4	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển	3	6
5	KHKT11	Kinh tế phát triển	3	6
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	3	6
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>			<b>9</b>	<b>6,9%</b>
1	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	6
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6
3	TCKQ01	Kế toán quản trị	3	7
4	TCKH04	Kế toán tài chính	3	7

5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	7
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	3	7
7	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python	3	6
8	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	6
9	LUKT18	Luật thương mại	3	6
10	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	6
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	3	6
12	LUKT36	Pháp luật về đầu tư	3	6
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>			<b>16</b>	
1	KHKD08	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
3	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích	3	7
3	KTPT17	Phân tích không gian	4	7
4	KHPD15	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 3	3	7
5	QTTT03	Nghiên cứu thị trường	3	6
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>			<b>9</b>	<b>6,9%</b>
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
3	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
3	TCTH0	Kế toán thuế	3	6
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh 5NK	3	6
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R	3	6
7	PTDL13	Công nghệ tài chính	3	7
8	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
9	TCTĐ17	Thị trường chứng khoán	3	6
10	TCĐG01	Định giá tài sản	3	7
11	TCCK06	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	7
12	TCCK06	Digital Marketing	3	6
13	CHPT04	Kinh tế học quản lý	3	6
14	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách	3	6
15	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	3	6
16	CHPT11	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội	3	7
17	CHKT03	Thẩm định dự án đầu tư công	3	7
<b>8. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	<b>7,7%</b>
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
3	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8

3	KTPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế	3	8
4	KTPT19	Kế hoạch phát triển thị trường	3	8
<b>TỔNG</b>			<b>130</b>	

*Ghi chú: (\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

**3.3. Mô tả tóm tắt các học phần (tóm tắt các học phần nằm trong chương trình đào tạo).**

STT	Mã số học phần	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>				<b>41</b>	
1	LUDC01	Pháp luật đại cương	<p>Học phần Pháp luật đại cương được phân bố thành bốn phần.</p> <p>Phần thứ nhất nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về nhà nước như nguồn gốc ra đời nhà nước; bản chất, các kiểu nhà nước; chức năng, bộ máy, hình thức nhà nước và chế độ chính trị.</p> <p>Phần thứ hai nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về pháp luật như nguồn gốc ra đời pháp luật, bản chất, chức năng và các kiểu pháp luật, Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý, Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật.</p> <p>Phần thứ ba nghiên cứu một số nội dung cơ bản nhất của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam như ngành luật Hiến pháp (ngành luật Nhà nước), ngành luật Hành chính, ngành luật Hình sự và ngành luật tố tụng hình sự, ngành luật dân sự và ngành luật Tố tụng dân sự, ngành luật Lao động, ngành luật Hôn nhân Gia đình và ngành luật Kinh tế.</p> <p>Phần thứ tư nghiên cứu một số vấn đề cơ bản nhất về văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính như khái niệm và đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá sự tác động của văn bản đến đời sống xã hội, hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật và thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản..</p>	3	2
2	TOĐC06	Tin học đại cương	<p>Môn Tin học đại cương bao gồm những nội dung kiến thức và kỹ năng cơ bản như sau:</p> <p>Những kiến thức căn bản về máy tính, hệ điều hành.</p> <p>Những kỹ năng cơ bản về: Microsoft Word, Excel, PowerPoint, Access, Outlook.</p> <p>Những thao tác cơ bản trong sử dụng và khai thác mạng, Internet.</p> <p>Môn học Kỹ năng Tin học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản,</p>	3	2

			<p>sử dụng bảng tính điện tử, khai thác và sử dụng Internet, sử dụng các công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của Hệ điều hành Windows. Qua đó, người học có thể tự học và áp dụng vào từng công việc cụ thể sau này, có khả năng tự cập nhật kiến thức tin học cho phù hợp với yêu cầu thực tế</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng tin học văn phòng; kỹ năng sử dụng và khai thác internet</p>		
3	TOCC05	Toán cao cấp	<p>Những kiến thức về phép tính vi phân của hàm một biến: giới hạn, tính liên tục, khả vi của hàm một biến, một số ứng dụng của đạo hàm.</p> <p>Những kiến thức về phép tính tích phân của hàm một biến: nguyên hàm, tích phân, tích phân suy rộng, một số ứng dụng của tích phân.</p> <p>Những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân thường.</p> <p>Những kiến thức về lý thuyết hàm nhiều biến và bài toán cực trị</p> <p>Sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao về toán ứng dụng.</p>	3	1
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	<p>Cung cấp nền tảng kiến thức chung về bản chất, các quy luật chi phối các hiện tượng, quá trình kinh tế, chính trị-xã hội. Giúp người học vận dụng các quy luật kinh tế-xã hội vào các hoạt động kinh tế, chính trị-xã hội nhằm đạt được hiệu quả cao; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu “<i>Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh</i>”.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, quy luật kinh tế hàng hóa; hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.</p>	2	1
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	<p>Chương trình Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản và hợp lý nhưng vẫn bảo đảm tính hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, cơ giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu</p>	3	2

			dùng		
6	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	<p>Chương trình Tiếng Anh tổng quát 2 là chương trình thứ hai trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn;</li> <li>- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc</li> <li>- Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ;</li> </ul> <p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam</b></p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1</p>	3	1
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Học phần gồm 8 chương: Chương mở đầu và 7 chương nội dung.</p> <p>Chương mở đầu: làm rõ đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Chương I: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>Từ chương II đến chương VII: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, nội dung lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam</p>	2	1
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	<p>Kinh tế vĩ mô 1 là môn học giới thiệu và nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô. Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Bên cạnh đó, Kinh tế vĩ mô 1 cũng sẽ</p>	3	3

			<p> nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu kinh tế trong ngắn hạn</p> <p> Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô.</p>		
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	<p> Học phần gồm 4 chương mô tả khái quát về quá trình thành lập và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, các thành tựu đạt được và những điểm còn cần cải thiện trong hoạt động của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nội dung của học phần giúp sinh viên không những hiểu rõ hơn về lịch sử phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam mà còn hình thành tư duy triết lý trong phát triển một đảng phái chính trị. Các chương cụ thể của học phần như sau: Chương 1:Giới thiệu khái quát vềđối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, giúp người học nắm vững cách tiếp cận và ý nghĩa của việc học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương 2:Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử của cách mạng giải phóng dân tộc, là nhân tố quyết định thắng lợi cách mạng Việt Nam. Tiếp đó, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ (1930 – 1945), đưa cách mạng Việt Nam giành thắng lợi, góp phần giải phóng giai cấp, dân tộc, con người. Chương 3: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước từ (1945 – 1975). Chương 4: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018).</p>	2	1
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	<p> Nghiên cứu những kiến thức cơ sở về xác suất cổ điển, về các phương pháp ước lượng (điểm/khoảng) và phương pháp chung thực hiện một bài toán kiểm định thông qua các nội dung: các công thức tính xác suất, các quy luật phân phối thông dụng, phương pháp ước lượng moment và ước lượng hợp lý cực đại, các bài toán kiểm định thông dụng...</p> <p> Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê kinh tế, lý thuyết và các dạng mô hình xác suất</p>	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	<p> Chương trình Tiếng Anh tổng quát 3 là chương trình thứ ba trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <p> Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn,</p>	3	2



			<p>quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn;</p> <p>Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch...</p> <p>Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế.</p> <p>- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.</p>		
12	THML04	Triết học Mác - Lênin	<p>Trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển</p>	3	1
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào con đường đi lên CNXH ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.</p>	2	2
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<p>Học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối</p>	3	4

			cùng của nghiên cứu. Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.		
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	<p>Chương trình tiếng Anh tổng quát 4 (TATQ04) dành cho chương trình đại trà là chương trình thứ tư trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <p>Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện.</p> <p>Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý.</p> <p>Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe</p> <p>Khóa học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về ngôn ngữ 4 kỹ năng theo các chủ đề thông dụng trong cuộc sống và môi trường làm việc, có khả năng giao tiếp hàng ngày, nghe hiểu các đoạn hội thoại hàng ngày, phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; viết thư tín giao dịch và thương mại; cấu trúc bài thi quốc tế (IELTS).</p>	3	3
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng	Sinh viên Có khả năng đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách, Có khả năng trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến xây dựng, thực thi và đánh giá kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân.	3	3
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>				18	
1	QHĐL07	Địa lý kinh tế	Các hoạt động kinh tế của 1 vùng lãnh thổ được hình thành và phát triển dựa trên các câu hỏi chính, gồm sản xuất Cái gì? Cho ai và Do ai? Khi nào? Như thế	3	4

			<p>nào? Ở đâu? Và Tại sao?. Trong đó, nếu kinh tế học giúp trả lời phần lớn các câu hỏi, Địa lý kinh tế tập trung vào hình thành tư duy và giúp trả lời 2 câu hỏi Ở đâu? và Tại sao?. Vì vậy, môn học tập trung vào 02 nội dung chính</p> <p>Phần một: Địa lý trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Cung cấp những kiến thức khái quát nhằm hình thành tư duy địa lý cho sinh viên trong nghiên cứu các vấn đề về phát triển kinh tế.</p> <p>Phần hai: Địa lý một số khu vực và quốc gia trên thế giới. Phần này giới thiệu đặc điểm kinh tế - xã hội với những nét đặc trưng của một số quốc gia, khu vực trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về các thế mạnh nguồn lực phát triển của Việt nam, về tài nguyên thiên nhiên, về phân vùng kinh tế và marketing lãnh thổ</p>		
2	TOKT05	Kinh tế lượng	<p>Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về lượng hóa các mối quan hệ kinh tế, bao gồm các bước trong việc xây dựng mô hình kinh tế lượng từ hàm hồi quy đơn, hồi quy bội, đồng thời phát hiện các khuyết tật trong mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi....</p> <p>Ngoài ra, môn học cũng cung cấp công cụ phân tích dự báo các hiện tượng kinh tế - xã hội từ chính các mô hình kinh tế lượng.</p>	3	4
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	<p>Môn học Kinh tế vi mô 2 cung cấp các lý thuyết về hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất, ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Ngoài ra, môn học còn trang bị các công cụ nâng cao trong phân tích cân bằng tổng quát cũng như kiến thức về lựa chọn trong điều kiện rủi ro</p>	3	4
4	KHCC06	Kinh tế công cộng	<p>Học phần nghiên cứu về vấn đề hiệu quả kinh tế, vấn đề thất bại của thị trường và các chính sách can thiệp của Chính phủ, vấn đề bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập, nghèo đói và vai trò của chính phủ trong tái phân bổ thu nhập, vai trò của chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào cơ chế thị trường.</p>	3	5
5	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	<p>Kinh tế vĩ mô 2 là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm</p>	3	5

			quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt, thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Bên cạnh đó, chúng ta cũng sẽ nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, tăng trưởng kinh tế trong rất dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn		
6	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	Bao gồm các bước trong quá trình nghiên cứu thống kê, như điều tra, phân tích, nghiên cứu các mức độ về số tương đối, số tuyệt đối, dãy số thời gian, chỉ số... Sau khi có được các số liệu thống kê, phải tiến hành trình bày được các số liệu trên bảng, biểu, đồ thị,... qua đó phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các số liệu thu thập được. Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng thống kê và phân tích thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội	3	4
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>				<b>9</b>	<b>Kỳ 4,5</b>
1	QTHO06	Quản trị học	Học phần “Quản trị học” là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất mà một nhà quản trị, dù trên cương vị nào, trong bất cứ tổ chức nào cũng phải có được. Học phần “Quản trị học” gồm những nội dung cơ bản sau: •Tổng quan về quản trị: trong đó giới thiệu về hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị hệ thống xã hội; quá trình quản trị và nhà quản trị; sự phát triển các tư tưởng quản trị. •Phân tích môi trường quản trị; đạo đức và trách nhiệm xã hội của quản trị; quản trị trong môi trường toàn cầu hóa. •Quá trình ra quyết định và đảm bảo thông tin cho quyết định quản trị. •Nội dung cơ bản của quá trình quản trị bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.	3	
2	QTMC02	Marketing căn bản	Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu	3	

			trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.		
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu vận hành một công việc kinh doanh mới, có thể theo hướng khởi nghiệp dựa vào từ việc khai thác thị trường có sẵn hoặc khởi nghiệp dựa vào những năng lực vượt trội về công nghệ, về mô hình kinh doanh mới và có thể tăng trưởng nhanh.	3	
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	- Học phần bao gồm 08 chương, với các nội dung cơ bản về lý thuyết hạch toán kế toán, Đối tượng kế toán; phương pháp chứng từ kế toán; phương pháp tính giá; phương pháp tài khoản; kế toán các quá kinh doanh chủ yếu; phương pháp tổng hợp cân đối kế toán; Bộ máy kế toán và hình thức kế toán. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập thực hành.	3	
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ giới thiệu những lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ, về hệ thống tài chính quốc gia cũng như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu những môn chuyên ngành sau này. Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương, Quản lý tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế,....	3	
6	TCTH26	Thuế	Thuế là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần thuế nghiên cứu đặc điểm, vai trò của thuế trong đời sống kinh tế xã hội. Học phần giới thiệu chi tiết các sắc thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế nhà đất,... Thông qua chương trình của học phần, sinh viên có thể nắm vững được kiến thức và kỹ năng về thuế trong thực tế để phục vụ công tác học tập, nghiên cứu và thực thi công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.	3	
7	TCDN24	Tài chính	Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn	3	

		doanh nghiệp	khó lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức những kiến thức cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp		
8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, quyền riêng tư và chính sách bảo mật của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark, Python, R,... Ngoài ra, học viên sẽ được tiếp cận tư duy phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization), xây dựng mô hình ra quyết định, các công nghệ áp dụng cho hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, các hướng tối ưu dữ liệu cho kinh doanh, phân tích dữ liệu để thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp,...	3	
9	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu (CSDL) và hệ quản trị CSDL, các thành phần cơ bản trong phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server, ngôn ngữ T-SQL và các đối tượng CSDL, các tác vụ quản trị hệ thống, những ứng dụng thực tế với các hoạt động của các tổ chức và doanh nghiệp	3	
10	LUKT31	Tư duy pháp lý	Môn học sẽ trình bày các nội dung Tổng quan về Pháp luật Kinh tế, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.	3	
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	Môn học Kinh tế đầu tư trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản, chuyên ngành về kinh tế và quản lý hoạt động đầu tư phát triển trên phạm vi vĩ mô. Môn học nghiên cứu những vấn đề về bản chất, vai trò của đầu tư phát triển; Nội dung của hoạt động đầu tư ở phạm vi quốc gia; Nguồn vốn đầu tư và giải pháp huy	3	

			<p>động vốn cho đầu tư phát triển quốc gia; Công tác tổ chức, quản lý và kế hoạch hoá đầu tư và quản lý đầu tư. Cơ cấu đầu tư; Mối quan hệ giữa đầu tư, tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Môi trường đầu tư quốc gia và địa phương. Môn học cũng trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp về quan hệ quốc tế trong đầu tư. Những kiến thức do học phần kinh tế đầu tư trang bị sẽ là nền tảng để tiếp thu kiến thức của các môn học chuyên ngành Kinh tế Đầu tư khác như Lập dự án đầu tư, Quản lý dự án đầu tư, Thị trường vốn đầu tư...</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất, vai trò của đầu tư phát triển; quản lý và kế hoạch hóa đầu tư; quan hệ quốc tế trong đầu tư</p>		
12	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp	Môn Luật doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ thể kinh doanh, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp, những vấn đề pháp lý trong quan hệ nội bộ doanh nghiệp.	3	
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>				<b>18</b>	
1	KHCO09	Đầu tư công	Là môn học bắt buộc: cho các chuyên ngành Kế hoạch Phát triển, Tài chính Công và Chính sách công. Ở bậc đại học, học phần trình bày ở Học phần thứ nhất về những vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư khu vực công và những cơ chế chính sách của Việt Nam trong quản lý hoạt động đầu tư công, như: lý luận về đầu tư công và quản lý đầu tư công; nguồn vốn đầu tư công; quản lý và kế hoạch hóa đầu tư công; Ở học phần thứ hai, học phần tập trung hướng dẫn người học đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư công; phương pháp lập dự án đầu tư công; thẩm định dự án đầu tư công; và đấu thầu công.	3	5
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	Môn học sẽ trình bày các nội dung Tổng quan về Pháp luật Kinh tế, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.	3	5
3	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển	Học phần Kế hoạch phát triển là học phần kiến thức chuyên ngành của ngành Kinh tế, Kế hoạch phát triển, Kinh tế phát triển và Quản trị Kinh doanh. Trong học phần thứ nhất của học phần, người học sẽ được trang	3	6

			bị các kiến thức lý luận và thực tiễn về kế hoạch phát triển kinh tế, kế hoạch phát triển doanh nghiệp. Trong hợp phần thứ hai của học phần, người học sẽ được trang bị các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về phân tích, đánh giá kinh tế, xã hội, hướng tới sự phát triển bền vững, đánh giá và xây dựng kế hoạch nguồn lực cho nền kinh tế và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển theo mục tiêu đặt ra. Học phần cũng giới thiệu những kiến thức và kỹ năng liên quan đến đầu tư, đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn và ngắn hạn, liên quan đến các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành khác thuộc ngành Kinh tế, ngành Kinh tế phát triển và ngành Quản trị kinh doanh.		
4	KHKT11	Kinh tế phát triển	Học phần mở đầu với việc phân tích sự phân phối thu nhập trên thế giới, so sánh mức sống của các nhóm quốc gia khác nhau và phân loại các nhóm nước trên thế giới, đồng thời so sánh trình độ phát triển các nhóm quốc gia đó. Tiếp đó, chương 2 giới thiệu môn học kinh tế phát triển và các khái niệm, khung lý thuyết cơ bản. Chương 3 đề cập đến các mô hình tăng trưởng kinh tế. Chương 4 phân tích tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu của các nền kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế cùng với các động lực và hệ quả của chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chương cuối cùng phân tích khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển: các mục tiêu phát triển xã hội và các tiêu chí đánh giá và các mô hình có liên quan	3	6
5	QLCD01	Chuyên đề thực tế	Học phần giúp sinh viên tiếp xúc, tìm hiểu, quan sát những vấn đề thực tế đang diễn ra tại các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội.	2	6
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>				<b>9</b>	
1	QTNL03	Quản trị nhân lực	Học phần “Quản trị nguồn nhân lực” là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Học phần “Quản trị nguồn nhân lực” gồm những nội dung cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổng quan về Quản trị nguồn nhân lực: trong đó giới thiệu cho sinh viên khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực trong tổ chức, các triết lý quản lý, các hoạt động cơ bản của quản trị nhân lực, trách nhiệm của người liên quan trong quản trị nhân lực và các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị nhân lực của tổ chức.</li> <li>• Phân tích công việc: nêu lên các kết quả của phân tích công việc và các ứng dụng của nó trong các hoạt động quản trị.</li> <li>• Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực: làm rõ tầm</li> </ul>	3	



			quan trọng của tuyển dụng, các nguồn và các phương pháp tuyển dụng •Đánh giá pthực hiện công việc và đào tạo phát triển nguồn nhân lực: •Thù lao lao động: đề động viên và tang cường sự gắn bó của người lao động với tổ chức, các nhà quản lý cần quan tâm để thiết kế thù lao hợp lí.		
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp xây dựng chiến lược, xác định đường đi nước bước cho các doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi hiện nay. Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc của toàn bộ khối ngành quản trị kinh doanh, và là học phần lựa chọn của nhiều ngành khác. Học phần này cung cấp những kiến thức và phương pháp phân tích môi trường kinh doanh, đánh giá thế mạnh, điểm yếu và các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, các phương pháp lựa chọn chiến lược.	3	
3	TCKQ01	Kế toán quản trị	Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: hiểu rõ được chức năng và nhiệm vụ của kế toán quản trị cũng như các phương pháp phân tích và kiểm soát chi phí; các phương pháp phân tích mối quan hệ giữa chi phídoanh thu- lợi nhuận; các phương pháp định giá... nhằm cung cấp các thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị.	3	
4	TCKH04	Kế toán tài chính	Học phần này cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phần hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành, với các nội dung cơ bản về Kế toán tài chính, Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, Kế toán TSCĐ, Kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, Kế toán tiền lương, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, Kế toán đầu tư tài chính, Kế toán vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả, Kế toán báo cáo tài chính. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập	3	
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	Môn học Thương mại quốc tế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại. Học phần giới thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Tiếp đến học phần đi sâu giới thiệu các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại, chính sách thương mại quốc tế và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế. Ngoài ra, học	3	

			phần đi sâu giới thiệu về các vấn đề thương mại quốc tế đang diễn ra như hiệp định thương mại tự do và các vấn đề liên quan, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.		
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về logistics trong doanh nghiệp. Logistics trong doanh nghiệp là môn học nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất với chi phí tối ưu. Môn học cũng nghiên cứu tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình sản xuất được tiến hành đúng mục tiêu. Trong doanh nghiệp, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.	3	
7	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python	Ngôn ngữ lập trình R/Python là trụ cột của các nhiệm vụ liên quan đến lập trình chung như phát triển các ứng dụng web hay máy tính để bàn, do đó R/Python trở thành một lựa chọn hấp dẫn cho các nhà khoa học dữ liệu là khả năng đọc và năng suất tuyệt vời của nó. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình R/PyThon như các bước để cài đặt trên hệ điều hành Windows/Mac và sử dụng R/PyThon để xử lý phân tích dữ liệu ở mức độ cơ bản.	3	
8	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu (CSDL) và hệ quản trị CSDL, các thành phần cơ bản trong phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server, ngôn ngữ T-SQL và các đối tượng CSDL, các tác vụ quản trị hệ thống, những ứng dụng thực tế với các hoạt động của các tổ chức và doanh nghiệp.	3	
9	LUKT18	Luật thương mại	Pháp luật kinh tế quốc tế đề cập tới các vấn đề lý luận quan hệ kinh tế quốc tế; các vấn đề pháp luật của WTO, EU, ASEAN về thương mại quốc tế; các vấn đề thực tiễn liên quan tới một số FTA giữa đa phương và song phương giữa Việt Nam và một số quốc gia; pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.	3	
10	QTMS01	Marketing dịch vụ	Học phần marketing dịch vụ giới thiệu và giúp sinh viên biết được những vấn đề liên quan đến marketing dịch vụ, so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa marketing dịch vụ và marketing sản phẩm hữu hình. Học phần marketing dịch vụ cung cấp cho sinh viên	3	

			những kiến thức căn 2 bản về chất lượng dịch vụ, nhận biết các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ của một doanh nghiệp, vì các doanh nghiệp ngày nay đòi hỏi phải chú trọng đến khả năng làm hài lòng khách hàng, chất lượng dịch vụ, dịch vụ khách hàng...		
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	Truyền thông marketing là một thành phần quan trọng trong marketing mix, đang phát triển rất nhanh cùng với sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông, Internet trong quá trình toàn cầu hóa. Môn học nhằm giúp sinh viên hiểu quy trình phát triển chương trình truyền thông marketing cho một sản phẩm hoặc một dịch vụ, kết hợp giữa 5 yếu tố: quảng cáo, khuyến mại, bán hàng trực tiếp, quan hệ công chúng (PR) và marketing trực tiếp. Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: Phân tích hành vi người tiêu dùng; thiết lập mục tiêu; xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông marketing; tổ chức các hoạt động truyền thông marketing; đo lường, đánh giá việc thực hiện và hiệu quả chương trình truyền thông marketing.	3	
12	LUKT26	Pháp luật về đầu tư	Môn học luật đầu tư trước hết giới thiệu tới sinh viên các quy định pháp luật cơ bản điều chỉnh các hoạt động đầu tư bao gồm các vấn đề trong quản lý nhà nước về đầu tư như bảo đảm đầu tư, khuyến khích đầu tư, những kiến thức về triển khai dự án đầu tư cũng như giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong mỗi dự án đầu tư.	3	
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>				<b>16</b>	
1	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư là môn học tổng hợp nhằm giúp người học tạo lập các kỹ năng lập và thẩm định hiệu quả, đánh giá tính khả thi của dự án đầu tư. Kết thúc khóa học, người học phải nắm được quy trình lập và thẩm định dự án đầu tư theo các bước thẩm định môi trường vĩ mô, thẩm định thị trường, thẩm định quy trình công nghệ, thẩm định nhân lực, thẩm định tài chính dự án, thẩm định kinh tế, xã hội dự án và đánh giá rủi ro của dự án, vận dụng thành thạo để lập và đánh giá tính khả thi của dự án đầu tư.	3	7
2	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích	Học phần trang bị cho người học khả năng tư duy có hệ thống và chặt chẽ để phân tích các khía cạnh lợi ích và chi phí kinh tế trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư công: nhận dạng lợi ích, chi phí; đánh giá sự thay đổi của lợi ích, chi phí khi có thuế, trợ cấp và hoạt động xuất nhập khẩu,...; nhằm giúp người học có được những kiến thức và các phương pháp phân tích các phương án, dự án phát	3	7

			triển kinh tế xã hội khi ra quyết định lựa chọn các dự án đầu tư công.		
3	KTPT17	Phân tích không gian	Môn học Phân tích không gian nhằm mục tiêu cung cấp cho người học những thông tin khái quát và cơ bản về dữ liệu không gian và các mô hình phân tích không gian. Nội dung của môn học tập trung giới thiệu những kiến thức cơ bản về cách tư duy không gian, Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS), các đặc điểm và yếu tố của dữ liệu không gian, các cách thức và công cụ liên kết dữ liệu không gian và các hệ thống dữ liệu lớn khác (dữ liệu định lượng, định tính). Học phần này cũng giới thiệu khái quát về các phần mềm được sử dụng để thực hiện phân tích không gian như ArcGIS, MapInfo, STATA (mô hình hồi quy không gian được phát triển từ STATA 15), phần mềm R,... Học phần này cũng giới thiệu những mô hình và thực tiễn ứng dụng các mô hình phân tích không gian trong quá trình ra quyết định trong nhiều lĩnh vực ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô. Một số nội dung thực hành cơ bản với các phần mềm cũng được giới thiệu sơ lược.	3	5
4	KHPD15	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 2	Môn Phân tích và dự báo Kinh tế vĩ mô 2 là môn học hướng dẫn ứng dụng các kiến thức đã học trong các môn toán, xác suất thống kê, kinh tế lượng, kinh tế học vĩ mô, kinh tế học vĩ mô, kết hợp với dữ liệu thực tế về nền kinh tế Việt Nam và các nước, để tiến hành phân tích và dự báo thực nghiệm về nền kinh tế Việt Nam.	4	6
5	QTTT02	Nghiên cứu thị trường	Đây là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành cho sinh viên quản trị doanh nghiệp HVCSPT, môn học tự chọn cho sinh viên các chuyên ngành khác của HVCSPT. Nội dung của học phần bao gồm một số phần cơ bản sau: - Giới thiệu tổng quan về nghiên cứu thị trường: Vai trò của nghiên cứu thị trường, quy trình nghiên cứu thị trường, các cách tiếp cận nghiên cứu thị trường, dịch vụ nghiên cứu thị trường. - Các phương pháp nghiên cứu thị trường: Bao gồm các phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng, nghiên cứu khám phá, nghiên cứu mô tả, nghiên cứu nhân quả. - Thu thập, phân tích dữ liệu NCTT: Quá trình thu thập từ các nguồn bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, dữ liệu thứ cấp, dữ liệu sơ cấp. Qua đó đưa ra các báo cáo NCTT hỗ trợ nhà quản trị ra quyết định.	3	7
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>				<b>9</b>	<b>Kỳ 6,7</b>
1	QTCU04	Quản trị	Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực	3	

		chuỗi cung ứng	tiền về hoạch định và quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Nội dung cụ thể được đề cập đến bao gồm: khái niệm chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng toàn cầu và logistics, chiến lược hoạch định và vận hành chuỗi cung ứng, cách thức xây dựng hệ thống logistics, chiến lược thu mua, chiến lược sản xuất và chiến lược đáp ứng nhu cầu khách hàng trong chuỗi cung ứng, hệ thống vận tải và quản trị hệ thống vận tải, hệ thống thông tin logistics và hệ thống hỗ trợ quyết định... Cùng với đó, sinh viên sẽ được thảo luận các chủ đề liên quan như: vai trò và tầm quan trọng của quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, sự phát triển của công nghệ thông tin tác động như thế nào đến quản lý chuỗi cung ứng ngày nay. Kết thúc mỗi nội dung, học phần sẽ đưa ra các tình huống thực tế để giúp học viên hiểu sâu lý thuyết và ứng dụng vào thực tiễn. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho học viên các kiến thức thực tiễn ở Việt Nam thông qua phân tích, thảo luận và đánh giá một số tình huống, thực trạng hoạt động quản trị chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp		
2	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	Học phần “Quản lý dự án đầu tư” cung cấp những kiến thức về lý luận về dự án và quản trị dự án đầu tư và nội dung quản trị dự án đầu tư. Học phần cũng bao gồm các chương phân tích sâu vào các nội dung quan trọng của hoạt động quản trị dự án để sinh viên có thể vận dụng vào thực tiễn quản trị dự án của các tổ chức kinh tế và khu vực công. Để gắn kết với thực tiễn ở Việt Nam, các văn bản pháp lý mới nhất về lĩnh vực đầu tư cũng sẽ được hệ thống hóa để sinh viên có thể nắm rõ được cơ sở pháp lý để vận dụng trong thực tiễn.	3	
3	TCTH0	Kế toán thuế	Học phần bao gồm 07 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm hoạt động, nội dung tổ chức công tác kế toán thuế.	3	
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	Học phần Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu được thiết kế bao gồm 7 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến việc mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu. Nội dung của học phần được sắp xếp theo trình tự tiến hành một thương vụ thông thường, bao gồm chuẩn bị, tìm hiểu để ký kết hợp đồng, xây dựng hợp đồng mua bán hàng hóa, thực hiện hợp đồng, vận chuyển hàng hóa, mua bảo hiểm và thanh toán. Bên cạnh đó, người học cũng được giới thiệu thêm về các kiến thức liên quan đến bộ tập quán thương mại quốc tế (Incoterms) quy định	3	

			về trách nhiệm và thời điểm chuyển giao rủi ro giữa bên mua và bên bán trong hoạt động xuất nhập khẩu, các kỹ thuật và những lưu ý liên quan đến đàm phán ký kết hợp đồng, các thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong hoạt động giao dịch, kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu		
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế (TTQT) là một trong các khâu quan trọng của giao dịch thương mại, kinh tế giữa chủ thể các quốc gia trên phạm vi thế giới. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận và thực tiễn nghiệp vụ về hoạt động thanh toán quốc tế, ngoại hối và tài trợ xuất nhập khẩu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. TTQT được giảng dạy với sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Sinh viên thường xuyên được tiếp cận với các Hợp đồng xuất nhập khẩu, Bộ chứng từ TTQT, các tình huống, giao dịch TTQT thực tế và thường xuyên được chia nhóm, thực hiện đóng vai (cán bộ ngân hàng, cán bộ công ty xuất nhập khẩu,...) để thực hành thảo luận, phân tích lợi thế cũng như đánh giá rủi ro các giao dịch TTQT theo tập quán quốc tế	3	
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R	Học phần này cung cấp cho người học các phương pháp xử lý dữ liệu, tổng hợp, kiểm định thống kê và thuật toán máy học trên phần mềm R với cú pháp dễ dàng thao tác và thân thiện với người dùng. Trong học phần này, người học sẽ được tiếp xúc với nhiều hàm R cốt lõi và một loạt các gói lệnh của bên thứ ba được duy trì một cách tích cực cho phép người dùng R được hưởng lợi từ hầu hết các công nghệ và khung dữ liệu lớn tiên tiến gần đây, như Hadoop, Spark, H2O, các cơ sở dữ liệu dựa trên SQL truyền thống, chẳng hạn như SQLite, MariaDB và PostgreSQL. Bằng cách thực hành theo các bài tập với dữ liệu thực tế, người học sẽ trải nghiệm trực tiếp cách tất cả các công cụ này được tích hợp với R thông qua tất cả các bước của Big Data Product Cycle, từ việc nhập dữ liệu và quản lý dữ liệu đến các kỹ thuật phân tích nâng cao và mô hình dự báo.	3	
7	PTDL13	Công nghệ tài chính	Học phần gồm 4 chương nói về các ứng dụng của công nghệ trong hoạt động tài chính, về hệ sinh thái công nghệ tài chính, các mô hình kinh doanh hiện đại như thanh toán điện tử (e-payments), hợp đồng thông minh (smart contract). Ngoài ra, học phần sẽ cung cấp các kiến thức về tiền mã hóa, các loại tiền mã hóa phổ biến hiện nay và cơ chế tạo ra một đồng tiền mã hóa phục vụ cho các hoạt động thanh toán trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.	3	

8	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	Môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính: các nội dung phân tích, tiến trình phân tích, các công cụ, kỹ thuật phân tích nhằm đánh giá một cách sâu, rộng tình hình tài chính của doanh nghiệp làm cơ sở cho việc ra các quyết định đối với các nhà quản lý bên trong doanh nghiệp lẫn các chủ thể bên ngoài doanh nghiệp nhằm sử dụng hiệu quả các thông tin từ các báo cáo tài chính của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư, cho vay, quản lý, tư vấn khách hàng...	3	
9	TCTĐ17	Thị trường chứng khoán	Học phần gồm 10 chủ đề với các nội dung cơ bản về: Giới thiệu tổng quát về thị trường chứng khoán; phân loại chứng khoán; hoạt động của sở giao dịch chứng khoán; thị trường chứng khoán phi tập trung(OTC); các thành viên tham gia thị trường chứng khoán; các nghiệp vụ chủ yếu của thị trường chứng khoán; hệ thống thông tin chứng khoán; phân tích chứng khoán; quản lý và giám sát thị trường chứng khoán.	3	
10	TCĐG01	Định giá tài sản	Học phần này đề cập đến: các khái niệm về tài sản, giá trị tài sản và định giá tài sản; công tác định giá tài sản trong thực tiễn; cơ sở hình thành giá cả trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề tài chính trong định giá tài sản; pháp luật trong định giá tài sản.	3	
11	TCCK06	Phân tích và đầu tư chứng khoán	Môn học cung cấp những kiến thức về Lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, Nội dung phân tích vĩ mô, Phân tích ngành, phân tích cơ bản, Phân tích kỹ thuật, Định giá cổ phiếu, xây dựng và quản lý danh mục đầu tư; ứng dụng mô hình CAMP trong phân tích đầu tư chứng khoán.	3	
12	TCCK06	Digital Marketing	Môn học này cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế, bộ môn Marketing kinh tế những kiến thức các khái niệm và học thuyết quan trọng về Tiếp thị Kỹ Thuật số (Digital Marketing). Tiếp thị Kỹ Thuật số là một trong những hình thức tiếp thị hiện đại, hiệu quả, chi phí thấp. Trên cơ sở hành vi của người tiêu dùng trực tuyến, các công cụ của Tiếp thị Kỹ Thuật số cũng khác biệt với các công cụ truyền thống. Kỹ thuật, chiến lược và các công cụ được sử dụng để xây dựng Tiếp thị Kỹ Thuật số cho doanh nghiệp, nhằm giúp sinh viên có lợi thế cạnh tranh và chuyên nghiệp hơn trong môi trường làm việc và học tập chuyên sâu sau này cũng như giúp người học có thể khai thác tối đa cơ hội kinh doanh trên Internet thông qua hình thức tiếp thị mới mẻ.	3	
<b>8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn tốt nghiệp)</b>				<b>6</b>	

1	KTPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế	môn học được dành cho việc giảng dạy các công cụ cơ bản của phân tích kinh tế lượng. Phần này sẽ giới thiệu các phương pháp chuẩn để ước lượng các mối quan hệ giữa quan sát thực và các biến kinh tế, và kiểm định các giả thuyết thống kê về các mối quan hệ của chúng. Học viên sẽ được học cách sử dụng các mô hình, dữ liệu, và phép phân tích phù hợp để mô tả thế giới thực và góp phần vào những cuộc thảo luận chính sách. Học viên sẽ được giới thiệu về sức mạnh của các phương pháp phân tích định lượng cũng như các lưu ý về những hạn chế của các phương pháp này. Trọng tâm sẽ là định dạng, ước lượng, kiểm định các mô hình kinh tế lượng và thảo luận chính sách từ các kết quả phân tích định lượng. Thêm vào đó, học viên cũng sẽ được học cách tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm thông qua đề án môn học. Môn học yêu cầu sử dụng các phần mềm chuyên dụng như Eviews, Stata, và R.	3	8
2	KHPT19	Kế hoạch phát triển thị trường	Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch phát triển thị trường khả thi cho doanh nghiệp. Học phần đề cập đến các phương pháp, qui trình, nội dung, cấu trúc và các kỹ năng cần thiết để lập kế hoạch phát triển thị trường có tính khả thi đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh.	3	8
<b>Học phần không tính điểm</b>					
1	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	Chương trình tiếng Anh tổng quát 1 là chương trình đầu tiên trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh đơn giản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng	3	1



			ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết đối với người mới học		
<b>Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>				<b>10</b>	
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần dành cho sinh viên năm cuối, kết hợp kiến thức lý thuyết và thực tiễn trong quá trình học tập và làm việc tại cơ sở thực tiễn, hoàn thành một nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, được thể hiện ở báo cáo Khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp là một báo cáo thực tiễn độc lập, do sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của một hoặc một số giảng viên về lĩnh vực chuyên môn của chuyên ngành đào tạo.	6	8
2	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	Học phần giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh; kết hợp kiến thức thực tiễn với kiến thức lý thuyết đã được trang bị. Sinh viên năm cuối sẽ trực tiếp làm việc tại các đơn vị thực tiễn trong 8 tuần và đạt các yêu cầu trong quy chế đào tạo của Học viện.	4	8
<b>TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC &amp; Quốc phòng)</b>				<b>130</b>	

### 3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

#### 3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Cố vấn học tập gặp mặt sinh viên đã nhập học, giới thiệu về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện. Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên. Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo cho các khóa như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh, Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Bùi Thị Hoàng Mai	ThS	Kinh tế phát triển	GV, PTK
2	Tô Trọng Hùng	TS	Kinh tế quốc dân	GV
3	Phan Lê Nga	ThS	Tài chính	GV
4	Đỗ Thị Hà Anh	ThS	Quản trị tài chính	GV

5	Nguyễn Đức Hiếu	ThS	Quản lý kinh tế	GV
6	Hoàng Kim Thu	ThS	Kinh tế tài chính	GV

### **3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp**

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên khoa Kinh tế phát triển còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD,... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa KTPT và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên, chương trình Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh thường niên, Chương trình vua bán hàng thường niên,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế vĩ mô, kế hoạch doanh, kinh tế phát triển, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh.

### **3.4.3. Hoạt động NCKH sinh viên**

Là một khoa trực thuộc của trường đại học định hướng nghiên cứu, sinh viên khoa KTPT luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Hàng năm, khoa KTPT thu hút được 04-08 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH. Với lòng say mê NCKH và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, sinh viên Khoa Kinh tế phát triển đã đạt được các giải cao trong các mùa NCKH như liên tục dành giải Nhất, Nhì NCKH cấp Học viện, giải Nhất, Nhì, Ba cuộc thi toàn quốc Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh, Giải Nhất, Nhì toàn quốc cuộc thi Vua bán hàng,... Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế và phát huy khả năng tự khám phá tri thức.

## PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

### 4.1. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
CDR1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;	X						
CDR2	Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;	X	X					
CDR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;	X			X			
CDR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;	X	X	X				
CDR5	Liệt kê được, nhận diện được, giải thích được cơ chế vận hành và tác động, đề xuất được ý tưởng các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;	X	X					
CDR6	Đánh giá được nội dung, đề xuất được một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;		X		X	X		
CDR7	Thực hiện được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;		X		X			
CDR8	Vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;		X					
CDR9	Vận dụng được lý thuyết và các phương pháp lập kế hoạch vào việc xây dựng và thực thi kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân và kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội;			X	X	X		
CDR10	Áp dụng được lý thuyết và các phương pháp phân tích không gian vào quá trình xây dựng và đánh giá một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân;			X	X	X		
CDR11	Phân tích được các mô hình kinh tế phát triển khác nhau;		X	X			X	

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
CDR12	Ra quyết định được trước các tình huống pháp luật trong kinh tế, kinh doanh, thương mại và đầu tư;			X			X	
CDR13	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định lượng trong các phân tích về dự báo kinh tế vĩ mô, phân tích chi phí lợi ích, nghiên cứu thị trường, phân tích tài chính, phân tích dữ liệu lớn;				X		X	
CDR14	Áp dụng được các kiến thức về quản trị, marketing, kế toán, tài chính và xuất nhập khẩu vào xây dựng và thực thi kế hoạch ở các cấp độ khác nhau.			X		X		
CDR15	Có thể đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách;			X	X	X	X	
CDR16	Có thể trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến xây dựng, thực thi và đánh giá kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân;			X		X	X	
CDR17	Có kỹ năng ra quyết định;						X	
CDR18	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;						X	
CDR19	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;						X	X
CDR20	Có thể tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.						X	X

#### 4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																				
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
<b>1. Giáo dục đại cương</b>																							
1	LUĐC01	Pháp luật đại cương		2																			
2	TOĐC06	Tin học đại cương																					
3	TOCC05	Toán cao cấp			3															x	x		
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2				2																
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1				2	2														x	x	
6	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2																		x			
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																		x	x	
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1				2	2														x	x	
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2																		x	x	
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			3																	x	
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3																			x		
12	THML04	Triết học Mác - Lênin	2																				
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2																				
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học			3	2															x	x	x
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4																			x		
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*															x	x	x				
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*																			x		
<b>Giáo dục quốc phòng</b>																							
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*																				x	x
<b>Giáo dục thể chất</b>																							
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*																				x	x
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*																				x	x
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*																				x	x
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>																							
1	QHĐL07	Địa lý kinh tế					2																

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20							
2	TOKT05	Kinh tế lượng			3							3			3				x		x	x							
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2				2	2												x		x	x							
5	KHCC06	Kinh tế công cộng				2	2												x		x	x							
6	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2				2	2												x		x	x							
7	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế			3										3				x		x	x							
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) – Cơ sở ngành</b>																													
1	QTHO06	Quản trị học					2								4		3					x	x						
2	QTMC02	Marketing căn bản					2								4		3						x	x					
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo					2								4		3							x	x				
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán																						x	x				
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ				2																			x	x			
6	TCTH26	Thuế																							x	x			
7	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp			3																				x	x			
8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh			3																					x	x		
9	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu																								x	x		
10	LUKT31	Tư duy pháp lý		2																						x	x		
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư				2	2		3											x						x	x		
12	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp		2					3																		x	x	
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>																													
1	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 1			3				3						4	3					x						x	x	
2	KHCO09	Đầu tư công		2																	x						x	x	
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế		2						3	3						3				x						x	x	
4	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển		2				4			3								x		x						x	x	
5	KHKT11	Kinh tế phát triển				2	2						3	4					x		x						x	x	
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế																			x						x	x	
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>																													
1	QTNL03	Quản trị nhân lực					2										3											x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	QTCL01	Quản trị chiến lược					2														x	x
3	TCKQ01	Kế toán quản trị					2		3						3				x		x	x
4	TCKH04	Kế toán tài chính					2		3						3				x		x	x
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế					2		3						3						x	x
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp					2		3						3						x	x
7	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python					2								3						x	x
8	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu					2								3						x	x
9	LUKT18	Luật thương mại		2			2						3									
10	QTMS01	Marketing dịch vụ												4		3						
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp					2							4		3						
12	LUKT26	Pháp luật về đầu tư		2			2		3												x	x
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>																						
1	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư			3		2	4							3							
3	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích			3		2	4							3							
4	KTPT17	Phân tích không gian					2	4				3			3							
5	KTPT15	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 2			3		2	4	4						3							
6	QTTT02	Nghiên cứu thị trường			3		2	4			3				3							
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>																						
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng					2		4						3				x		x	x
2	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư		2			2		4						3				x		x	x
3	TCTH0	Kế toán thuế					2		4						3				x		x	x
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh 5NK		2			2		4						3				x		x	x
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế		2			2								3				x		x	x
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R			3		2												x		x	x
7	PTDL13	Công nghệ tài chính					2												x		x	x
8	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính		2			2												x		x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
9	TCCK25	Thị trường chứng khoán		2															x		x	x
10	TCĐG01	Định giá tài sản		2										3				x		x	x	
11	TCCK06	Phân tích và đầu tư chứng khoán		2	3		2								3			x		x	x	
12	QTDM01	Digital marketing					2								3			x		x	x	
13	CHPT04	Kinh tế học quản lý				2			4												x	x
14	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách				2			4												x	x
15	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao				2			4												x	x
16	CHPT11	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội				2			4												x	x
17	CHKT03	Thẩm định dự án đầu tư công				2				4					3						x	x
<b>8. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp</b>																						
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp							4					4	3		x		x	x	x	x
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp							4					4	3		x		x		x	x
3	KTPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế			3				4					4	3		x		x		x	x
4	KTPT19	Kế hoạch phát triển thị trường			3						4			4	3		x	x	x		x	x

**Ghi chú:**

**Các mức độ của thang Bloom**

(1) Nhớ

(2) Hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Đánh giá

(6) Sáng tạo

(\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo



## **PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### **5.1.1 Thời gian đào tạo**

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

#### **5.1.2 Cách thức thực hiện**

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 32%), Kiến thức cơ sở ngành: 40 tín chỉ (chiếm 31%) được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học. Các học phần thuộc kiến thức ngành: 13 tín chỉ (chiếm 10%); Kiến thức chuyên ngành: 28 tín chỉ (22%) và Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ (8%) được tập trung vào kỳ 6 và kỳ 7 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học. Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế (4 tín chỉ), viết khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ) nếu đủ điều kiện theo quy định. Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 132 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế, chuyên ngành Kế hoạch phát triển.

Chi tiết kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế ở Khung chương trình đào tạo.

#### **5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp**

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức  $\geq 450$  điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Được cấp chứng chỉ kỹ năng mềm theo quy định;
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

### **5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập**

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học (không tính môn học tự chọn tự do) mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ
- Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học
- Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)

□ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

□ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....

□ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

□ Cách tính điểm học phần

□ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẽ đến một chữ số thập phân.

□ Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

□ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

□ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

ai: là điểm của học phần thứ i

ni: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

### **5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần**

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh tế, kế hoạch phát triển doanh nghiệp, kế hoạch phát triển kinh tế và kế hoạch nguồn lực.

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1043/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

## **PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên chuyên ngành đào tạo: **KINH TẾ HỢP TÁC**

Tên tiếng Việt: **KINH TẾ HỢP TÁC**

Tên tiếng Anh: **COOPERATIVE ECONOMICS**

- Mã số ngành đào tạo: **7310105**

- Trình độ đào tạo: Cử nhân

- Thời gian đào tạo: 3.5 – 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt:

**CỬ NHÂN KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

**Chuyên ngành: Kinh tế Hợp tác**

Tên tiếng Anh:

**BACHELOR OF DEVELOPMENT ECONOMICS**

**Major: Cooperative Economics**

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: **KHOA KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

### **1.2. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế Hợp tác được xây dựng theo định hướng ứng dụng, đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, có kiến thức và kỹ năng cơ bản trong xây dựng, thực thi, theo dõi và đánh giá kế hoạch, chính sách về phát triển kinh tế hợp tác; phát triển hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác ở thị trường trong nước và trên thị trường thế giới; thực hiện các hoạt động hợp tác phát triển và phát triển cộng đồng; có tư duy độc lập; Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

#### **1.2.3. Mục tiêu cụ thể**

- **Về kiến thức:** Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT1) Có kiến thức nền tảng về đặc điểm, vai trò, xu thế phát triển của khu vực kinh tế hợp tác;

(MT2) Có kiến thức nền tảng về lý thuyết và thực tiễn về kinh tế học, thống kê, phát triển bền vững và bao trùm, phát triển cộng đồng, chính sách và pháp luật có liên quan đến các loại hình kinh tế hợp tác cũng như các hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh

tế hợp tác như: quản trị, nghiên cứu thị trường, marketing, tài chính, thương mại và kinh doanh quốc tế.

- **Về kỹ năng:** Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT3) Có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu phục vụ nghiên cứu thực tiễn liên quan đến tình hình phát triển khu vực kinh tế hợp tác, theo dõi và đánh giá thực hiện chính sách về kinh tế hợp tác;

(MT4) Có kỹ năng ứng dụng các lý thuyết đã học vào quan sát, nghiên cứu và phân tích tình hình thực tiễn và ra quyết định phát triển khu vực kinh tế hợp tác. Kỹ năng xây dựng quan hệ cộng đồng và phát triển mối quan hệ hợp tác. Kỹ năng quản lý tổ chức, xây dựng kế hoạch, nghiên cứu thị trường và các kỹ năng khác để có thể kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

(MT5) Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ có khả năng làm việc độc lập, có thể tham gia làm việc ở một tổ chức kinh tế hợp tác, hoặc cao hơn là tự thành lập một tổ chức kinh tế hợp tác. Sinh viên cũng có khả năng tham gia xây dựng chính sách hoặc đề xuất ý tưởng về phát triển khu vực kinh tế hợp tác.

### ***1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học:***

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

### ***1.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp***

- **Về vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ có đủ năng lực để làm việc ở những cơ quan sau:

+ Các cơ quan xây dựng và thực thi chính sách cấp trung ương và địa phương về phát triển khu vực kinh tế hợp tác;

+ Các hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã, hoặc các loại hình kinh tế hợp tác khác;

+ Các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế thuộc các khu vực trong nền kinh tế;

+ Các tổ chức phi chính phủ, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ về phát triển cộng đồng.

## **1.3. Thông tin tuyển sinh**

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển

## **1.4. Điều kiện nhập học**

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển

## PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Chuẩn đầu ra

#### A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

##### A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện:

- (1) Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- (2) Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;
- (3) Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;
- (4) Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;

##### A.2. Chuẩn đầu ra chung ngành:

- (5) Giải thích được cơ chế vận hành và cơ chế tác động, đề xuất ý tưởng các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;
- (6) Phác thảo quy trình xây dựng, vận dụng các nguyên lý, trình bày nội dung, giải thích, phân tích, và đề xuất một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;
- (7) Thực hiện các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;
- (8) Phân tích tình huống, vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;

##### A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành:

- (9) Liệt kê một số loại hình tổ chức kinh tế hợp tác trong nước và trên thế giới, kể lại được một số tổ chức kinh tế hợp tác thành công; phân biệt sự khác nhau giữa tổ chức kinh tế hợp tác với các loại hình kinh tế khác, đặc biệt là sự khác nhau giữa hợp tác xã và doanh nghiệp; giữa quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã, và các tổ chức tài chính khác;
- (10) Trình bày mô hình quản lý nhà nước, các chính sách và quy định pháp luật về phát triển khu vực kinh tế hợp tác ở Việt Nam; Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn học được vào xây dựng và thực thi kế hoạch phát triển cộng đồng;
- (11) Có thể vận dụng kiến thức lý về quản trị, nghiên cứu thị trường, marketing, kế toán, tài chính, hoạt động thương mại quốc tế để tham gia các vào triển khai hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác và tham gia các nghiệp vụ kinh doanh trong môi trường quốc tế;

## **B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

(12) Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;

(13) Có kỹ năng đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách; Có kỹ năng trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến phát triển cộng đồng, phát triển bền vững và bao trùm; hoặc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác.

(14) Có kỹ năng ra quyết định.

## **C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp**

(15) Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

(16) Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.



### PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ, bao gồm:

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM GDTC &amp; QP)</b>	<b>41</b>	<b>15</b>	<b>31.5%</b>
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>94</b>	<b>30</b>	<b>68.5%</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>20.7%</b>
2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	21	7	
2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn	9	3	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>24</b>	<b>8</b>	<b>20.7%</b>
2.2.1. Kiến thức ngành bắt buộc	15	5	
2.2.2. Kiến thức ngành lựa chọn	9	3	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>19.2%</b>
2.3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	21	7	
2.3.2. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn	9	3	
<b>2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>7.7%</b>
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC &amp; GDQP)</b>	<b>135</b>	<b>58</b>	<b>100%</b>

#### 3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ
<b>1. Giáo dục đại cương</b>			<b>41</b>
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	3
2	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
3	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2
5	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
9	TOCC05	Toán cao cấp	3

10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
11	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3
12	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3
15	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3
16	TOĐC06	Tin học đại cương	3
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3
<b>Giáo dục thể chất.</b>			
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2
<b>Giáo dục quốc phòng</b>			
21	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>			<b>18</b>
1	TOKT05	Kinh tế lượng	3
2	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3
3	KHCC06	Kinh tế công cộng	3
4	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3
5	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
6	QTHO06	Quản trị học	3
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>			<b>9</b>
1	QTDM01	Digital Marketing	3
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	3
3	QTNL03	Quản trị nhân lực	3
4	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3
5	TCTH26	Thuế	3
6	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	3
7	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3
8	LUKT26	Pháp luật về đầu tư	3
9	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3
10	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>			<b>18</b>
1	KTPT27	Nhập môn Kinh tế hợp tác	3
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3
3	KHKT11	Kinh tế phát triển	3
4	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3
5	QTMC02	Marketing căn bản	3

6	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>			<b>9</b>
1	QTDM01	Digital Marketing	3
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	3
3	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	3
4	TCKQ01	Kế toán quản trị	3
5	TCKH04	Kế toán tài chính	3
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	3
7	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	3
8	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3
9	ĐTDM04	Quản lý danh mục đầu tư	3
10	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3
11	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư	3
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>			<b>16</b>
1	QH BV01	Phát triển bền vững	2
2	KTPT21	Phát triển cộng đồng	3
3	KTPT17	Kế hoạch phát triển	3
4	KTPT22	Quản lý tổ chức kinh tế hợp tác	3
5	KTPT23	Chính sách và Pháp luật về kinh tế hợp tác	3
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>			<b>9</b>
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3
2	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3
3	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3
4	TCTH0	Kế toán thuế	3
5	KTPT20	Kinh tế phát triển so sánh	3
6	KTPT17	Phân tích không gian	3
7	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích	3
8	QTSX01	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3
9	QTTT02	Nghiên cứu thị trường	3
<b>8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn tốt nghiệp)</b>			<b>6</b>
1	KTPT25	Kế hoạch phát triển kinh tế địa phương	3
2	KTPT26	Thống kê hoạt động kinh tế hợp tác	3
<b>9. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp</b>			<b>10</b>
1	KL TN	Khoá luận tốt nghiệp	6
2	TT TN01	Thực tập tốt nghiệp	4
<b>TỔNG (Không bao gồm GDTC và GDQP)</b>			<b>130</b>

Ghi chú: (\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

**3.3. Mô tả tóm tắt các học phần (tóm tắt các học phần nằm trong chương trình đào tạo).**

STT	Mã số học phần	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>				<b>41</b>	
1	LUĐC01	Pháp luật đại cương	<p>Học phần Pháp luật đại cương được phân bố thành bốn phần.</p> <p>Phần thứ nhất nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về nhà nước như nguồn gốc ra đời nhà nước; bản chất, các kiểu nhà nước; chức năng, bộ máy, hình thức nhà nước và chế độ chính trị.</p> <p>Phần thứ hai nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về pháp luật như nguồn gốc ra đời pháp luật, bản chất, chức năng và các kiểu pháp luật, Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý, Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật.</p> <p>Phần thứ ba nghiên cứu một số nội dung cơ bản nhất của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam như ngành luật Hiến pháp (ngành luật Nhà nước), ngành luật Hành chính, ngành luật Hình sự và ngành luật tố tụng hình sự, ngành luật dân sự và ngành luật Tố tụng dân sự, ngành luật Lao động, ngành luật Hôn nhân Gia đình và ngành luật Kinh tế.</p> <p>Phần thứ tư nghiên cứu một số vấn đề cơ bản nhất về văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính như khái niệm và đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá sự tác động của văn bản đến đời sống xã hội, hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật và thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản..</p>	3	2
2	TOĐC06	Tin học đại cương	<p>Môn Tin học đại cương bao gồm những nội dung kiến thức và kỹ năng cơ bản như sau:</p> <p>Những kiến thức căn bản về máy tính, hệ điều hành.</p> <p>Những kỹ năng cơ bản về: Microsoft Word, Excel, PowerPoint, Access, Outlook.</p> <p>Những thao tác cơ bản trong sử dụng và khai thác mạng, Internet.</p> <p>Môn học Kỹ năng Tin học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để có thể sử dụng thành thạo</p>	3	2

			<p>máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, khai thác và sử dụng Internet, sử dụng các công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của Hệ điều hành Windows. Qua đó, người học có thể tự học và áp dụng vào từng công việc cụ thể sau này, có khả năng tự cập nhật kiến thức tin học cho phù hợp với yêu cầu thực tế</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng tin học văn phòng; kỹ năng sử dụng và khai thác internet</p>		
3	TOCC05	Toán cao cấp	<p>Những kiến thức về phép tính vi phân của hàm một biến: giới hạn, tính liên tục, khả vi của hàm một biến, một số ứng dụng của đạo hàm.</p> <p>Những kiến thức về phép tính tích phân của hàm một biến: nguyên hàm, tích phân, tích phân suy rộng, một số ứng dụng của tích phân.</p> <p>Những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân thường.</p> <p>Những kiến thức về lý thuyết hàm nhiều biến và bài toán cực trị</p> <p>Sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao về toán ứng dụng.</p>	3	1
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	<p>Cung cấp nền tảng kiến thức chung về bản chất, các quy luật chi phối các hiện tượng, quá trình kinh tế, chính trị-xã hội. Giúp người học vận dụng các quy luật kinh tế-xã hội vào các hoạt động kinh tế, chính trị-xã hội nhằm đạt được hiệu quả cao; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu “<i>Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh</i>”.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, quy luật kinh tế hàng hóa; hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.</p>	2	1
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	<p>Chương trình Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản và hợp lý nhưng vẫn bảo đảm tính hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, cơ giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng</p>	3	2
6	TACB02	Tiếng Anh	Chương trình Tiếng Anh tổng quát 2 là chương trình	3	1

		<p>ơ bản 2</p> <p>thứ hai trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn;</li> <li>- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc</li> <li>- Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ;</li> </ul> <p><b><i>- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam</i></b></p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1</p>		
7	THTT02	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Học phần gồm 8 chương: Chương mở đầu và 7 chương nội dung.</p> <p>Chương mở đầu: làm rõ đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Chương I: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>Từ chương II đến chương VII: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, nội dung lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam</p>	2	1
8	KHMA02	<p>Kinh tế vĩ mô 1</p> <p>Kinh tế vĩ mô 1 là môn học giới thiệu và nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô. Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Bên cạnh đó, Kinh tế vĩ mô 1 cũng sẽ nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu kinh tế trong ngắn hạn</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên</p>	3	3

			lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô.		
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần gồm 4 chương mô tả khái quát về quá trình thành lập và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, các thành tựu đạt được và những điểm còn cần cải thiện trong hoạt động của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nội dung của học phần giúp sinh viên không những hiểu rõ hơn về lịch sử phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam mà còn hình thành tư duy triết lý trong phát triển một đảng phái chính trị. Các chương cụ thể của học phần như sau: Chương 1:Giới thiệu khái quát vềđối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, giúp người học nắm vững cách tiếp cận và ý nghĩa của việc học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương 2:Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử của cách mạng giải phóng dân tộc, là nhân tố quyết định thắng lợi cách mạng Việt Nam. Tiếp đó, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ (1930 – 1945), đưa cách mạng Việt Nam giành thắng lợi, góp phần giải phóng giai cấp, dân tộc, con người. Chương 3: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước từ (1945 – 1975). Chương 4: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018).	2	1
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nghiên cứu những kiến thức cơ sở về xác suất cô điển, về các phương pháp ước lượng (điểm/khoảng) và phương pháp chung thực hiện một bài toán kiểm định thông qua các nội dung: các công thức tính xác suất, các quy luật phân phối thông dụng, phương pháp ước lượng moment và ước lượng hợp lý cực đại, các bài toán kiểm định thông dụng...  Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê kinh tế, lý thuyết và các dạng mô hình xác suất	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	Chương trình Tiếng Anh tổng quát 3 là chương trình thứ ba trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:  Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh	3	2

			<p>bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn;</p> <p>Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch...</p> <p>Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế.</p> <p>- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.</p>		
12	THML04	Triết học Mác - Lênin	<p>Trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển</p>	3	1
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương. Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào con đường đi lên CNXH ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.</p>	2	2
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<p>Học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu,</p>	3	4



			thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.		
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	<p>Chương trình tiếng Anh tổng quát 4 (TATQ04) dành cho chương trình đại trà là chương trình thứ tư trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <p>Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc điển đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện.</p> <p>Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý.</p> <p>Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe</p> <p>Khóa học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về ngôn ngữ 4 kỹ năng theo các chủ đề thông dụng trong cuộc sống và môi trường làm việc, có khả năng giao tiếp hàng ngày, nghe hiểu các đoạn hội thoại hàng ngày, phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; viết thư tín giao dịch và thương mại; cấu trúc bài thi quốc tế (IELTS).</p>	3	3
16	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	Sinh viên cần nắm các kiến thức về an ninh quốc phòng	8	Không tính điểm
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng	Có kỹ năng đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách; Có kỹ năng trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến phát triển cộng đồng, phát triển bền vững và bao trùm; hoặc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác	3	
18	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	Sinh viên cần nắm các kiến thức cơ bản về lý thuyết thể dục	2	
19	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	Sinh viên cần nắm các kiến thức cơ bản về cầu lông/ bóng chuyền	2	
20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	Sinh viên cần nắm các kiến thức cơ bản về bóng đá	2	

<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
1	TOKT05	Kinh tế lượng	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về lượng hóa các mối quan hệ kinh tế, bao gồm các bước trong việc xây dựng mô hình kinh tế lượng từ hàm hồi quy đơn, hồi quy bội, đồng thời phát hiện các khuyết tật trong mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi.... Ngoài ra, môn học cũng cung cấp công cụ phân tích dự báo các hiện tượng kinh tế - xã hội từ chính các mô hình kinh tế lượng.	3	4
2	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	Môn học Kinh tế vi mô 2 cung cấp các lý thuyết về hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất, ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Ngoài ra, môn học còn trang bị các công cụ nâng cao trong phân tích cân bằng tổng quát cũng như kiến thức về lựa chọn trong điều kiện rủi ro	3	4
3	KHCC06	Kinh tế công cộng	Học phần nghiên cứu về vấn đề hiệu quả kinh tế, vấn đề thất bại của thị trường và các chính sách can thiệp của Chính phủ, vấn đề bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập, nghèo đói và vai trò của chính phủ trong tái phân bổ thu nhập, vai trò của chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào cơ chế thị trường.	3	5
4	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	Kinh tế vĩ mô 2 là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt, thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Bên cạnh đó, chúng ta cũng sẽ nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, tăng trưởng kinh tế trong rất dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn	3	5
5	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	Bao gồm các bước trong quá trình nghiên cứu thống kê, như điều tra, phân tích, nghiên cứu các mức độ về số tương đối, số tuyệt đối, dãy số thời gian, chỉ số... Sau khi có được các số liệu thống kê, phải tiến hành trình bày được các số liệu trên bảng, biểu, đồ thị,... qua đó phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các số liệu thu	3	4

			thập được. Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng thống kê và phân tích thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội		
6	QTHO06	Quản trị học	Học phần “Quản trị học” là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất mà một nhà quản trị, dù trên cương vị nào, trong bất cứ tổ chức nào cũng phải có được. Học phần “Quản trị học” gồm những nội dung cơ bản sau: •Tổng quan về quản trị: trong đó giới thiệu về hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị hệ thống xã hội; quá trình quản trị và nhà quản trị; sự phát triển các tư tưởng quản trị. •Phân tích môi trường quản trị; đạo đức và trách nhiệm xã hội của quản trị; quản trị trong môi trường toàn cầu hóa. •Quá trình ra quyết định và đảm bảo thông tin cho quyết định quản trị. •Nội dung cơ bản của quá trình quản trị bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.	3	
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>				<b>9</b>	<b>Kỳ 4,5</b>
1	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu vận hành một công việc kinh doanh mới, có thể theo hướng khởi nghiệp dựa vào từ việc khai thác thị trường có sẵn hoặc khởi nghiệp dựa vào những năng lực vượt trội về công nghệ, về mô hình kinh doanh mới và có thể tăng trưởng nhanh.	3	
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng là môn chuyên ngành sâu của chuyên ngành Marketing và là môn kiến thức bắt buộc của chuyên ngành Quản trị bán hàng. Môn học này đòi hỏi sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về marketing thông qua môn học marketing căn bản/quản trị marketing. Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học về khách hàng như Hành vi người tiêu dùng, Hành vi các khách hàng tổ chức cũng như các môn học thuộc lĩnh vực quản trị con người. Quản trị bán hàng đưa ra khung kiến thức cơ bản về hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong một doanh nghiệp qua đó sinh viên nắm được cách thức để điều hành hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp của một nhà quản trị bán. Dựa trên khung lý thuyết này, sinh viên sẽ có cơ sở để thực hành các hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp.	3	
3	QTNL03	Quản trị	ọc phần “Quản trị nguồn nhân lực” là học phần bắt	3	

		nhân lực	buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Học phần “Quản trị nguồn nhân lực” gồm những nội dung cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổng quan về Quản trị nguồn nhân lực: trong đó giới thiệu cho sinh viên khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực trong tổ chức, các triết lý quản lý, các hoạt động cơ bản của quản trị nhân lực, trách nhiệm của người liên quan trong quản trị nhân lực và các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị nhân lực của tổ chức.</li> <li>• Phân tích công việc: nêu lên các kết quả của phân tích công việc và các ứng dụng của nó trong các hoạt động quản trị.</li> <li>• Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực: làm rõ tầm quan trọng của tuyển dụng, các nguồn và các phương pháp tuyển dụng</li> <li>• Đánh giá thực hiện công việc và đào tạo phát triển nguồn nhân lực:</li> <li>• Thù lao lao động: đề động viên và tăng cường sự gắn bó của người lao động với tổ chức, các nhà quản lý cần quan tâm để thiết kế thù lao hợp lý.</li> </ul>		
4	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ giới thiệu những lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ, về hệ thống tài chính quốc gia cũng như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu những môn chuyên ngành sau này. Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương, Quản lý tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế,....	3	
5	TCTH26	Thuế	Thuế là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, và là học phần lựa chọn đối với sinh viên các chuyên ngành khác. Học phần thuế nghiên cứu đặc điểm, vai trò của thuế trong đời sống kinh tế xã hội. Học phần giới thiệu chi tiết các sắc thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế nhà đất,... Thông qua chương trình của học phần, sinh viên có thể nắm vững được kiến thức và kỹ năng về thuế trong thực tế để phục vụ công tác học tập, nghiên cứu và thực thi công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.	3	
6	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức những kiến thức cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự	3	

			vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp.		
7	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về hoạt động đầu tư phát triển để người học có thể vận dụng trong các quyết định đầu tư. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: khái niệm và bản chất của đầu tư; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và cách huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; môi trường đầu tư; đầu tư công; phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; đầu tư quốc tế; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp; quản lý đầu tư theo dự án.	3	
8	LUKT26	Pháp luật về đầu tư	Môn học sẽ trình bày các nội dung về Pháp luật Đầu tư, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.	3	
9	TCCK25	Thị trường chứng khoán	Học phần gồm 10 chủ đề với các nội dung cơ bản về: Giới thiệu tổng quát về thị trường chứng khoán; phân loại chứng khoán; hoạt động của sở giao dịch chứng khoán; thị trường chứng khoán phi tập trung(OTC); các thành viên tham gia thị trường chứng khoán; các nghiệp vụ chủ yếu của thị trường chứng khoán; hệ thống thông tin chứng khoán; phân tích chứng khoán; quản lý và giám sát thị trường chứng khoán.	3	
10	QHĐL07	Địa lý kinh tế	Các hoạt động kinh tế của 1 vùng lãnh thổ được hình thành và phát triển dựa trên các câu hỏi chính, gồm sản xuất Cái gì? Cho ai và Do ai? Khi nào? Như thế nào? Ở đâu? Và Tại sao?. Trong đó, nếu kinh tế học giúp trả lời phần lớn các câu hỏi, Địa lý kinh tế tập trung vào hình thành tư duy và giúp trả lời 2 câu hỏi Ở đâu? và Tại sao?. Vì vậy, môn học tập trung vào 02 nội dung chính <b>Phần một: Địa lý trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.</b> Cung cấp những kiến thức khái quát nhằm hình thành tư duy	3	

			<p>địa lý cho sinh viên trong nghiên cứu các vấn đề về phát triển kinh tế.</p> <p><b>Phần hai: Địa lý một số khu vực và quốc gia trên thế giới.</b> Phần này giới thiệu đặc điểm kinh tế - xã hội với những nét đặc trưng của một số quốc gia, khu vực trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về các thế mạnh nguồn lực phát triển của Việt nam, về tài nguyên thiên nhiên, về phân vùng kinh tế và marketing lãnh thổ.</p>		
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (bắt buộc) - Ngành</b>					
1	KTPT27	Nhập môn Kinh tế hợp tác	<p>Môn học Nhập môn kinh tế hợp tác giới thiệu với sinh viên những kiến thức cơ bản về khu vực kinh tế hợp tác, bao gồm: khái niệm, vai trò, nguyên tắc hoạt động, cách thức tổ chức của một tổ chức kinh tế hợp tác; một số nguyên lý kinh tế học về kinh tế hợp tác; tình hình phát triển khu vực kinh tế hợp tác trên thế giới; tình hình phát triển khu vực kinh tế hợp tác ở Việt Nam.</p> <p>Môn học này cũng yêu cầu sinh viên tham gia thực tế ở một sơ sở kinh tế hợp tác và viết báo cáo thu hoạch về chuyến đi thực tế của mình.</p>	3	
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	<p>Môn học sẽ trình bày các nội dung Tổng quan về Pháp luật Kinh tế, quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong ki</p>	3	
3	KHKT11	Kinh tế phát triển	<p>Học phần mở đầu với việc phân tích sự phân phối thu nhập trên thế giới, so sánh mức sống của các nhóm quốc gia khác nhau và phân loại các nhóm nước trên thế giới, đồng thời so sánh trình độ phát triển các nhóm quốc gia đó. Tiếp đó, chương 2 giới thiệu môn học kinh tế phát triển và các khái niệm, khung lý thuyết cơ bản. Chương 3 đề cập đến các mô hình tăng trưởng kinh tế. Chương 4 phân tích tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu của các nền kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế cùng với các động lực và hệ quả của chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chương cuối cùng phân tích khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển: các mục tiêu phát triển xã hội và các tiêu chí đánh giá và các mô hình có liên quan.</p>	3	
4	ĐNTM08	Thương	<p>Môn học Thương mại quốc tế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình</p>		

		<p>marketing quốc tế</p>	<p>đào tạo ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại. Học phần giới thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Tiếp đến học phần đi sâu giới thiệu các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại, chính sách thương mại quốc tế và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế. Ngoài ra, học phần đi sâu giới thiệu về các vấn đề thương mại quốc tế đang diễn ra như hiệp định thương mại tự do và các vấn đề liên quan, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.</p>		
5	QTMC02	<p>Marketing căn bản</p>	<p>Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.</p>		
6	TCKT01	<p>Nguyên lý kế toán</p>	<p>Học phần bao gồm 08 chương, với các nội dung cơ bản về lý thuyết hạch toán kế toán, Đối tượng kế toán; phương pháp chứng từ kế toán; phương pháp tính giá; phương pháp tài khoản; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; phương pháp tổng hợp cân đối kế toán; Bộ máy kế toán và hình thức kế toán. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập thực hành.</p>		
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>				<b>9</b>	
1	QTDM01	<p>Digital Marketing</p>	<p>Học phần môn học Digital Marketing giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong thời đại kỹ thuật số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết</p>	3	

			được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Digital Marketing.		
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp xây dựng chiến lược, xác định đường đi nước bước cho các doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi hiện nay. Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc của toàn bộ khối ngành quản trị kinh doanh, và là học phần lựa chọn của nhiều ngành khác. Học phần này cung cấp những kiến thức và phương pháp phân tích môi trường kinh doanh, đánh giá thế mạnh, điểm yếu và các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, các phương pháp lựa chọn chiến lược.	3	
3	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản nhất về Truyền thông marketing tích hợp (IMC), bản chất và mối quan hệ của các công cụ truyền thông, từ đó có thể vận dụng những kiến thức của IMC để xây dựng, triển khai các quyết định truyền thông marketing cho các cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức. Đồng thời chỉ rõ vai trò của truyền thông marketing trong hoạt động marketing cũng như hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong kinh doanh hiện đại. Trọng tâm của học phần này hướng tới các công cụ như Quảng cáo, Quan hệ công chúng, Xúc tiến bán, Bán hàng cá nhân, Marketing trực tiếp, Truyền thông qua mạng xã hội và sự phối kết hợp giữa chúng nhằm nâng cao hiệu quả chiến lược truyền thông marketing. Gắn kết các hoạt động của biến số P4 (Promotion) với các biến số khác của marketing – mix, học phần này được coi là học phần chuyên sâu đối với sinh viên ngành marketing nói chung và là học phần cốt lõi của sinh viên chuyên ngành quản trị truyền thông marketing.	3	
4	TCKQ01	Kế toán quản trị	Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: hiểu rõ được chức năng và nhiệm vụ của kế toán quản trị cũng như các phương pháp phân tích và kiểm soát chi phí; các phương pháp phân tích mối quan hệ giữa chi phídoanh thu- lợi nhuận; các phương pháp định giá... nhằm cung cấp các thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị.	3	
5	TCKH04	Kế toán tài chính	Học phần này cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phần hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành, với các nội dung cơ bản về Kế toán tài	3	



			chính, Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, Kế toán TSCĐ, Kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, Kế toán tiền lương, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, Kế toán đầu tư tài chính, Kế toán vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả, Kế toán báo cáo tài chính. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập.		
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về logistics trong doanh nghiệp. Logistics trong doanh nghiệp là môn học nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất với chi phí tối ưu. Môn học cũng nghiên cứu tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình sản xuất được tiến hành đúng mục tiêu. Trong doanh nghiệp, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.	3	
7	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	Môn học chuyên sâu nhằm cung cấp cho sinh viên phương pháp xác định xu hướng biến động giá của các tài sản tài chính và hàng hóa thông qua phân tích các thống kê về giá và khối lượng giao dịch tài sản trong quá khứ. Phương pháp này được vận dụng rất phổ biến trong bởi các chuyên gia đầu tư trên các thị trường chứng khoán, hàng hóa và ngoại hối trên thế giới. Tuy nhiên, phương pháp này được ứng dụng rộng rãi ở các tổ chức kinh doanh ngoại hối, hàng hóa, chứng khoán ở Việt Nam nhưng ít được giảng dạy tại Việt Nam ở bậc đại học.	3	
8	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	Học phần “Quản lý dự án đầu tư” cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng để quản trị dự án như quản trị thời gian và tiến độ dự án, quản trị chi phí dự án, ngân sách, tài nguyên dự án, chất lượng dự án, nguồn nhân lực của dự án, truyền thông dự án, quản lý sự thay đổi và quản trị rủi ro dự án.	3	
9	ĐTDM04	Quản lý danh mục đầu tư	Học phần Quản Lý Danh Mục Đầu Tư trang bị kiến thức nền tảng cho sinh viên các khái niệm và kỹ năng về đầu tư tài chính, giúp sinh viên có thể hiểu và phân tích các chiến lược quản lý danh mục đầu tư đối với các nhóm tài sản khác nhau gồm chứng khoán vốn, chứng khoán nợ, trên cơ sở đó đánh giá hiệu quả quản lý danh mục đầu tư phù hợp với chính sách đầu tư và môi trường đầu tư cụ thể. Học phần Quản Lý Danh Mục Đầu tư được phát triển dựa trên các kiến thức nền tảng		

			của môn học Thị trường chứng khoán, kết hợp với các học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp và Tài chính doanh nghiệp, cung cấp những kỹ năng cơ bản về phân tích và quản lý danh mục đầu tư cho sinh viên.		
10	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	Phân tích Báo cáo tài chính là học phần chuyên ngành đối với sinh viên chuyên ngành Tài chính thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần Phân tích Báo cáo tài chính giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản về Phân tích TCDN như đọc các BCTC; vận dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích trong thực tiễn. Biết kết hợp giữa phân tích tài chính cơ bản và khối kiến thức chuyên sâu về phân tích tài chính với các kiến thức bổ trợ từ các chuyên ngành đào tạo của Học Viện để hình thành các kỹ năng phát hiện, đánh giá và giải quyết các vấn đề cốt lõi về quản trị tài chính phát sinh ở mỗi đơn vị như: phân tích cơ bản, phân tích báo cáo tài chính, phân tích rủi ro, sử dụng thành thạo, có hiệu quả các công cụ phân tích tài chính vào quản trị tài chính trong từng bối cảnh cụ thể.	3	
11	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư	Học phần “Thẩm định dự án đầu tư” cung cấp những kiến thức về lý luận về dự án, phương pháp lập, kỹ thuật và thẩm định dự án đầu tư. Học phần cũng bao gồm các chương phân tích sâu vào các nội dung quan trọng của công tác lập và thẩm định dự án đầu tư để sinh viên có thể tiến hành lập hay thẩm định dự án. Để gắn kết với thực tiễn ở Việt Nam, các văn bản pháp lý mới nhất về lĩnh vực đầu tư cũng sẽ được hệ thống hóa để sinh viên có thể nắm rõ được cơ sở pháp lý để vận dụng trong thực tiễn.	3	
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>					
1	QHBV01	Phát triển bền vững	Học phần Phát triển bền vững giới thiệu những lý luận cơ bản về phát triển bền vững, các mô hình phát triển bền vững, các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Học phần cũng cung cấp kiến thức, thông tin cập nhật về tình hình chính sách và thực tiễn liên quan đến phát triển bền vững cho sinh viên.	3	
2	KTPT21	Phát triển cộng đồng	Học phần Phát triển cộng đồng cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về cộng đồng; vai trò của cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, các yếu tố cấu thành cộng đồng; các vấn đề thường gặp phải trong phát triển cộng đồng; mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc phát triển cộng đồng; các phương pháp sử dụng trong phát triển cộng đồng. Học phần cũng cung cấp các nguyên tắc làm việc với cộng đồng, vai trò và phẩm chất của tác viên cộng đồng; đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng về chu trình dự án phát	3	

			<p>triển cộng đồng và các nội dung của bản đề xuất dự án. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức được học để phân tích tình hình cộng đồng, tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ cộng đồng; có khả năng tổ chức họp dân để huy động nguồn lực và xác định vấn đề ưu tiên; sinh viên cũng sẽ biết cách tổ chức tập huấn, tuyên truyền giáo dục một vấn đề tại 3 cộng đồng; biết cách sử dụng các công cụ PRA và phương pháp tiếp cận ABCD để xây dựng dự án phát triển cộng đồng. Học phần giúp những sinh viên học chuyên ngành Kinh tế hợp tác có khả năng hiểu và có năng lực hành động để phát triển cộng đồng - một phần để giúp cho sự thành công trong phát triển tổ chức kinh tế hợp tác.</p>		
3	KTPT17	Kế hoạch phát triển	<p>Học phần Kế hoạch hoá phát triển là môn học thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Kinh tế Phát triển. Học phần trang bị cho người học các kiến thức lý luận và thực tiễn về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các bước để lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, cũng như các công cụ phục vụ công tác lập kế hoạch. Người học cũng được trang bị kiến thức và kỹ năng để lập những kế hoạch phát triển cụ thể như kế hoạch tăng trưởng kinh tế, kế hoạch chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế để đáp ứng các yêu cầu đặt ra.</p>	3	
4	KTPT22	Quản lý tổ chức kinh tế hợp tác	<p>Học phần <i>Quản lý tổ chức kinh tế hợp tác</i> cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý một tổ chức kinh doanh hoạt động theo mô hình kinh tế hợp tác. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức, cách thức vận hành và những nội dung cơ bản về quản lý các hoạt động cụ thể của một tổ chức kinh tế hợp tác. Sinh viên cũng có cơ hội thực hành một số nội dung thực tiễn trong các nghiệp vụ quản lý tổ chức kinh tế hợp tác.</p>	3	
5	KTPT23	Chính sách và Pháp luật về kinh tế hợp tác	<p>Học phần <i>Chính sách và pháp luật trong hoạt động kinh tế hợp tác</i> cung cấp kiến thức về cơ sở lý luận, nội dung khái quát về chính sách và pháp luật về hợp tác xã và các văn bản liên quan, quy trình ban hành và thực thi pháp luật và hợp tác xã ở Việt Nam.</p> <p>Sau khi học xong học phần này, sinh viên không chỉ có những hiểu biết cơ bản về cơ sở lý luận về xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật liên quan đến hợp tác xã mà còn có hiểu biết về những quy định pháp luật về hợp tác xã của Việt Nam.</p>	3	
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	<p>Trong học phần Chuyên đề thực tế này, sinh viên được yêu cầu đi kiến tập tại một cơ quan hoặc một doanh</p>	2	

			<p>ngành/tổ chức kinh tế cụ thể, hoặc sinh viên có thể tự thực hiện một dự án kinh doanh, hay một dự án vì cộng đồng của riêng mình. Nếu sinh viên đi kiến tập tại một đơn vị, sinh viên cần tự liên hệ để tìm nơi kiến tập phù hợp với ngành đào tạo. Nếu sinh viên tự làm dự án cộng đồng, sinh viên có thể bắt tay vào quy trình làm việc của một dự án thực tế.</p> <p>Về mặt từ ngữ: Kiến tập = Chứng kiến + Tập làm. Do vậy, quá trình kiến tập bao gồm quan sát, tìm hiểu thông tin về nơi kiến tập, tham gia một công việc cụ thể tại nơi kiến tập. Sau đó, sinh viên cần hoàn thiện báo cáo kết thúc học phần để mô tả lại toàn bộ quá trình kiến tập của mình cùng những đánh giá của bản thân và bài học kinh nghiệm thu được; đồng thời, sinh viên phải tham gia vào buổi phỏng vấn của giảng viên trong Hội đồng chấm chuyên đề thực tế của Khoa để thể hiện những hiểu biết, kinh nghiệm và định hướng phát triển bản thân sau quá trình kiến tập.</p> <p>Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ <i>làm các công việc thực tiễn một cách độc lập</i> dưới sự định hướng của một giáo viên hướng dẫn. Giáo viên hướng dẫn sẽ định hướng cách thức tham gia kiến tập, những thông tin cần quan sát thu thập, cách nhập cuộc và bắt tay vào công việc của sinh viên thực tập, đồng thời cung cấp cho sinh viên những lời nhận xét mang tính xây dựng về nội dung và hình thức của bản báo cáo kiến tập tốt nghiệp.</p> <p>Cùng với nền tảng kỹ luật, kỹ năng và kiến thức đã được học ở các môn học trước, quá trình kiến tập sẽ giúp sinh viên có cơ hội tích lũy thêm nhiều kiến thức thực tiễn, các kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn cho bản thân, nhận ra những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung để sẵn sàng hành trang tham gia thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.</p>		
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>				<b>9</b>	
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	<p>Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạch định và quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Nội dung cụ thể được đề cập đến bao gồm: khái niệm chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng toàn cầu và logistics, chiến lược hoạch định và vận hành chuỗi cung ứng, cách thức xây dựng hệ thống logistics, chiến lược thu mua, chiến lược sản xuất và chiến lược đáp ứng nhu cầu khách hàng trong chuỗi cung ứng, hệ thống vận tải và quản trị hệ thống vận tải, hệ thống thông tin logistics và hệ thống hỗ trợ quyết định... Cùng với đó, sinh viên sẽ</p>	3	

			được thảo luận các chủ đề liên quan như: vai trò và tầm quan trọng của quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, sự phát triển của công nghệ thông tin tác động như thế nào đến quản lý chuỗi cung ứng ngày nay. Kết thúc mỗi nội dung, học phần sẽ đưa ra các tình huống thực tế để giúp học viên hiểu sâu lý thuyết và ứng dụng vào thực tiễn. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho học viên các kiến thức thực tiễn ở Việt Nam thông qua phân tích, thảo luận và đánh giá một số tình huống, thực trạng hoạt động quản trị chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp		
2	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Học phần Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu được thiết kế bao gồm 7 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến việc mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu. Nội dung của học phần được sắp xếp theo trình tự tiến hành một thương vụ thông thường, bao gồm chuẩn bị, tìm hiểu để ký kết hợp đồng, xây dựng hợp đồng mua bán hàng hóa, thực hiện hợp đồng, vận chuyển hàng hóa, mua bảo hiểm và thanh toán. Bên cạnh đó, người học cũng được giới thiệu thêm về các kiến thức liên quan đến bộ tập quán thương mại quốc tế (Incoterms) quy định về trách nhiệm và thời điểm chuyển giao rủi ro giữa bên mua và bên bán trong hoạt động xuất nhập khẩu, các kỹ thuật và những lưu ý liên quan đến đàm phán ký kết hợp đồng, các thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong hoạt động giao.	3	
3	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế (TTQT) là một trong các khâu quan trọng của giao dịch thương mại, kinh tế giữa chủ thể các quốc gia trên phạm vi thế giới. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận và thực tiễn nghiệp vụ về hoạt động thanh toán quốc tế, ngoại hối và tài trợ xuất nhập khẩu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. TTQT được giảng dạy với sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Sinh viên thường xuyên được tiếp cận với các Hợp đồng xuất nhập khẩu, Bộ chứng từ TTQT, các tình huống, giao dịch TTQT thực tế và thường xuyên được chia nhóm, thực hiện đóng vai (cán bộ ngân hàng, cán bộ công ty xuất nhập khẩu,...) để thực hành thảo luận, phân tích lợi thế cũng như đánh giá rủi ro các giao dịch TTQT theo tập quán quốc tế.	3	
4	TCTH0	Kế toán thuế	Học phần bao gồm 07 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm hoạt động, nội dung tổ chức công tác kế toán thuế.	3	
5	KTPT20	Kinh tế phát triển	Học phần Kinh tế phát triển so sánh là học phần kiến thức chuyên ngành của sinh viên chuyên ngành Kinh tế	3	

		so sánh	<p>phát triển. Học phần này cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng thể toàn diện về hệ thống kinh tế trên thế giới thông qua so sánh các quá trình phát triển của các nền kinh tế. Sinh viên sẽ được trang bị khung nghiên cứu để so sánh một cách khoa học về sự khác biệt giữa các hệ thống kinh tế trên thế giới, gồm sự khác biệt về trình độ phát triển, về chính sách phát triển, và sự khác biệt về các yếu tố quyết định trình độ phát triển của các quốc gia. Sinh viên cũng được trang bị các kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu phục vụ cho việc phân tích sự khác biệt giữa các nền kinh tế. Những kiến thức và kỹ năng trang bị trong môn học này giúp sinh viên nâng cao khả năng tư duy, hiểu biết về các quốc gia và về thị trường thế giới, cũng như nâng cao kỹ năng tổng hợp thông tin, xử lý dữ liệu, nâng cao tính kiên trì, cẩn thận và dám đối mặt với những công việc có khối lượng lớn.</p>		
6	KTPT17	Phân tích không gian	<p>Các thông tin về không gian là dạng thông tin rất phổ biến trong quá trình ra quyết định và xây dựng chính sách ở cả các cấp quản lý vi mô (cấp doanh nghiệp) và cấp quản lý vĩ mô (cấp quản lý nhà nước). Câu hỏi về vị trí (Where - Ở đâu) là một trong những câu hỏi rất cơ bản trong các hoạt động kinh tế, quy hoạch, kế hoạch, quản lý môi trường và phát triển bền vững, cũng như các hoạt động khác về quản lý giao thông, quản lý rủi ro, y tế cộng đồng, ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô. Trong bối cảnh tác động của toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, vai trò của thông tin và dữ liệu không gian trong quá trình ra quyết định ngày càng quan trọng do mức độ tương tác và liên kết ngày càng chặt chẽ của dữ liệu không gian và các cơ sở dữ liệu lớn khác từ Internet Vạn vật, mạng xã hội, dữ liệu trực tiếp từ vệ tinh và các hệ thống thông minh khác. Vì vậy, môn học Phân tích không gian tập trung giới thiệu và giúp sinh viên tiếp cận được các kỹ năng phân tích không gian và ứng dụng các mô hình phân tích không gian trong quá trình ra quyết định.</p> <p>Cụ thể, môn học Phân tích không gian nhằm mục tiêu cung cấp cho người học những thông tin khái quát và cơ bản về dữ liệu không gian, các mô hình phân tích không gian và các kỹ năng thực hành với phần mềm ArcGIS. Nội dung của môn học tập trung giới thiệu những kiến thức cơ bản về cách tư duy không gian, Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS), các đặc điểm và yếu tố của dữ liệu không gian; các cách thức và công cụ liên kết dữ liệu không gian và các hệ thống dữ liệu lớn khác (dữ liệu định lượng, định tính); những mô hình và thực tiễn ứng</p>	3	

			dụng các mô hình phân tích không gian trong quá trình ra quyết định trong nhiều lĩnh vực ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô. Môn học sử dụng phần mềm ArcGIS để giúp người học thực hành các phương pháp phân tích nền không gian thường được ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin địa lý, bao gồm: phân tích chồng lớp, phân tích điểm, phân tích mạng, phân tích nền raster,...; các mô hình phân tích không gian như mô hình hồi quy không gian, phân tích tương quan không gian, mô hình chuỗi thời gian với dữ liệu không gian,... Học phần cũng giúp người học thực hiện phát triển 1 dự án GIS ứng dụng trong quá trình ra quyết định ở các lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quản lý quy hoạch, lập kế hoạch, quản lý môi trường và phát triển bền vững.		
7	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích	Học phần trang bị cho sinh viên khả năng tư duy có hệ thống và chặt chẽ để phân tích các khía cạnh lợi ích và chi phí kinh tế trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư công: nhận dạng lợi ích, chi phí; đánh giá sự thay đổi của lợi ích, chi phí khi có thuế, trợ cấp và hoạt động xuất nhập khẩu,...; nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức và các phương pháp phân tích các phương án, dự án phát triển kinh tế xã hội khi ra quyết định lựa chọn các dự án đầu tư công.	3	
8	ĐNLogistic	Quản trị kinh doanh logistics	Môn học Quản trị logistics kinh doanh được thiết kế cho chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics. Quản trị logistics tạo ra giá trị về thời gian, địa điểm, cho phép hàng hóa di chuyển và các dịch vụ hiệu quả đến với khách hàng. Hỗ trợ các nhà quản lý ra quyết định chính xác trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu chi phí trong quá trình sản xuất. Học phần giới thiệu các kiến thức về quản trị logistics kinh doanh bao gồm quản trị các dịch vụ khách hàng; vật tư và quản trị mua hàng, quản trị dự trữ, tổ chức kênh phân phối và kiểm soát logistics tại doanh nghiệp, logistics thương mại điện tử.	3	
9	QTTT02	Nghiên cứu thị trường	Đây là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành cho sinh viên quản trị doanh nghiệp HVCSPT, môn học tự chọn cho sinh viên các chuyên ngành khác của HVCSPT. Nội dung của học phần bao gồm một số phần cơ bản sau: - Giới thiệu tổng quan về nghiên cứu thị trường: Vai trò của nghiên cứu thị trường, quy trình nghiên cứu thị trường, các cách tiếp cận nghiên cứu thị trường, dịch vụ nghiên cứu thị trường.	3	

			<p>- Các phương pháp nghiên cứu thị trường: Bao gồm các phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng, nghiên cứu khám phá, nghiên cứu mô tả, nghiên cứu nhân quả.</p> <p>- Thu thập, phân tích dữ liệu NCTT: Quá trình thu thập từ các nguồn bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, dữ liệu thứ cấp, dữ liệu sơ cấp. Qua đó đưa ra các báo cáo NCTT hỗ trợ nhà quản trị ra quyết định.</p>		
<b>8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn tốt nghiệp)</b>					
1	KTPT25	Kế hoạch phát triển kinh tế địa phương	<p>Học phần <b>Kế hoạch phát triển kinh tế địa phương</b> cung cấp cho sinh viên cơ sở lý thuyết về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế địa phương dựa trên lý thuyết cơ sở và thực tiễn. Cụ thể, sinh viên sẽ được trang bị: (i) các khái niệm và học thuyết cập nhật nhất về phát triển kinh tế địa phương; (ii) các kiến thức về quy trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế địa phương; (iii) các phương pháp và công cụ phân tích, dự báo phục vụ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế địa phương; (iv) các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ cụ thể trong xây dựng kế hoạch như xây dựng chiến lược phát triển kinh tế địa phương, phát triển hoạt động kinh doanh ở địa phương, phát triển nguồn nhân lực địa phương, phát triển kinh tế cộng đồng; (v) các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ cụ thể trong xây dựng kế hoạch thực hiện bản kế hoạch phát triển kinh tế địa phương trong bối cảnh thế giới phẳng và những thách thức của biến đổi khí hậu.</p>	3	
2	KTPT26	Thống kê hoạt động kinh tế hợp tác	<p>Môn học Thống kê hoạt động kinh tế hợp tác cung cấp một bức tranh toàn cảnh về sự cần thiết phải thống kê hoạt động kinh tế hợp tác để đưa đến một sự thống nhất về mặt số liệu về kinh tế hợp tác giữa các quốc gia, từ đó phục vụ cho việc phân tích và xây dựng các chính sách quản lý kinh tế hợp tác của các quốc gia. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp để đánh giá đóng góp của khu vực kinh tế hợp tác (hợp tác xã) vào nền kinh tế nói chung.</p>		
<b>9. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>				<b>10</b>	
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	<p>Trong học phần Khóa luận tốt nghiệp này, sinh viên được yêu cầu <i>chọn một chủ đề</i> trong phạm vi nội dung của chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế Phát triển. Chủ đề này có thể được bản thân sinh viên hoặc sinh viên cùng với giáo viên hướng dẫn của mình tìm thấy trong quá trình quan sát hoặc hoạt động thực tiễn tại cộng đồng kinh doanh, khu vực công, hoặc sự phát triển kinh tế - xã hội - môi trường tại một</p>	6	



			<p>cộng đồng dân cư ở cấp độ vĩ mô, meso, hoặc vi mô. Chủ đề này cũng có thể được đề xuất bởi cộng đồng học thuật. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ biết cách xác định, hình thành và giải quyết các vấn đề có liên quan trong lĩnh vực công việc thuộc chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế phát triển. Khóa học này cũng hướng tới việc liên kết quá trình viết và nghiên cứu thực tế.</p> <p>Khóa luận tốt nghiệp là học phần có tính toàn diện và tính độc lập cao, trong đó sinh viên phải thể hiện được <i>khả năng phân tích vấn đề</i> được lựa chọn từ cả góc nhìn lý thuyết và góc nhìn thực tiễn, <i>đưa ra ý kiến cá nhân</i> dựa trên kết quả nghiên cứu của mình.</p> <p>Sinh viên cần <i>sử dụng kiến thức và kỹ năng tổng hợp</i> từ nhiều môn học trong quá trình đào tạo, cũng như cần <i>làm việc chuyên môn độc lập</i> khi cần thiết. Thông qua khóa luận cử nhân, sinh viên phải có đóng góp nhất định cho hoạt động nghiên cứu hoặc triển khai. Sinh viên cũng phải có được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, và thực hiện công việc liên quan đến khóa luận. Sinh viên được thử thách trong việc chuyển kiến thức và kỹ năng từ nhiều môn học đã tích lũy trong chương trình đào tạo thành một bản báo cáo nghiên cứu và <i>trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng nói và viết</i>.</p> <p>Sinh viên cũng sẽ được phân công một giáo viên hướng dẫn đồng hành trong quá trình làm khóa luận. Giáo viên hướng dẫn sẽ cung cấp cho sinh viên những lời nhận xét mang tính xây dựng về nội dung và hình thức của bản thảo khóa luận. Cùng với nền tảng kỹ luật, kiến thức, và kinh nghiệm tích lũy được thông qua trao đổi, sinh viên sẽ <i>phát triển các kỹ năng trao đổi và tiếp nhận phản hồi</i> mang tính xây dựng. Đây là những kỹ năng xây dựng bản thảo rất hữu ích trong công việc sau này của sinh viên.</p>		
2	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	<p>Trong học phần Báo cáo thực tập tốt nghiệp này, sinh viên được yêu cầu đi thực tập tại một cơ quan hoặc một doanh nghiệp cụ thể. Sinh viên cần tự liên hệ để tìm nơi thực tập phù hợp với ngành đào tạo. Quá trình thực tập bao gồm quan sát, tìm hiểu thông tin về nơi thực tập, tham gia và hoàn thành các công việc thực tế được giao tại nơi thực tập. Sau đó, sinh viên cần hoàn thiện báo cáo kết thúc học phần để mô tả lại toàn bộ</p>	4	

		<p>quá trình thực tập của mình cùng những đánh giá của bản thân và bài học kinh nghiệm rút ra.</p> <p>Sinh viên cần <i>vận dụng kiến thức tổng hợp</i> từ nhiều môn học thu được trong quá trình đào tạo cũng như các kỹ năng mềm của bản thân để hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập cũng như hoàn thiện báo cáo thực tập tốt nghiệp.</p> <p>Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ <i>làm các công việc thực tiễn một cách độc lập</i> dưới sự đồng hành của một giáo viên hướng dẫn. Giáo viên hướng dẫn sẽ cung cấp cho sinh viên những lời nhận xét mang tính xây dựng về nội dung và hình thức của bản báo cáo thực tập tốt nghiệp.</p> <p>Cùng với nền tảng kiến thức đã được học ở các môn học trước, quá trình thực tập sẽ giúp sinh viên có cơ hội tích lũy thêm nhiều kiến thức thực tiễn, các kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn cho bản thân. Đây là những kinh nghiệm cũng như kỹ năng rất hữu ích trong công việc sau này của sinh viên.</p>		
<b>TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC &amp; Quốc phòng)</b>			<b>130</b>	

### 3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

#### 3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Cố vấn học tập gặp mặt sinh viên đã nhập học, giới thiệu về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện. Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên. Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo cho các khóa như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh, Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Bùi Thị Hoàng Mai	ThS	Kinh tế phát triển	GV, PTK
2	Tô Trọng Hùng	TS	Kinh tế quốc dân	GV
3	Phan Lê Nga	ThS	Tài chính	GV

4	ThS. Hoàng Kim Thu	ThS	Kinh tế - Tài chính	GV
5	ThS. Đỗ Thị Hà Anh	ThS	Kinh tế - Quản lý	GV
6	ThS. Nguyễn Đức Hiếu	ThS	Quản lý kinh tế	GV

### **3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp**

Bên cạnh các hoạt động ngoại khóa là một phần của môn học như đi thực tế địa phương, thực tế doanh nghiệp, hợp tác xã, tham gia các hoạt động trách nhiệm cộng đồng, sinh viên khoa Kinh tế phát triển còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD,... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa KTPT và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên, chương trình Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh thường niên, Chương trình vua bán hàng thường niên,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế vĩ mô, kế hoạch doanh, kinh tế phát triển, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh.

### **3.4.3. Hoạt động NCKH sinh viên**

Là một khoa trực thuộc của trường đại học định hướng nghiên cứu, sinh viên khoa KTPT luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Hàng năm, khoa KTPT thu hút được 10 - 20 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH. Với lòng say mê NCKH và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, sinh viên Khoa Kinh tế phát triển đã đạt được các giải cao trong các mùa NCKH như liên tục dành giải Nhất, Nhì NCKH cấp Học viện, giải Nhất, Nhì, Ba cuộc thi toàn quốc Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh, Giải Nhất, Nhì toàn quốc cuộc thi Vua bán hàng,... Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế và phát huy khả năng tự khám phá tri thức.

## PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

### 4.1. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
CDR1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;	X				
CDR2	Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;	X	X			
CDR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;		X		X	
CDR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;		X	x		
CDR5	<i>Giải thích</i> được cơ chế vận hành và cơ chế tác động, <i>đề xuất ý tưởng</i> các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;	X	X			
CDR6	<i>Phác thảo quy trình</i> xây dựng, <i>vận dụng</i> các nguyên lý, <i>trình bày nội dung, giải thích, phân tích</i> , và <i>đề xuất</i> một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;			X	X	x
CDR7	<i>Thực hiện</i> được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;		X		X	
CDR8	Vận dụng được các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;		X			
CDR9	<i>Liệt kê</i> một số loại hình tổ chức kinh tế hợp tác trong nước và trên thế giới, <i>kể lại</i> được một số tổ chức kinh tế hợp tác thành công; <i>phân biệt</i> sự khác nhau giữa tổ chức kinh tế hợp tác với các loại hình kinh tế khác, đặc biệt là sự khác nhau giữa hợp tác xã và doanh nghiệp; giữa quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã, và các tổ chức tài chính khác;	X				x
CDR10	<i>Trình bày</i> mô hình quản lý nhà nước, các chính sách và quy định pháp luật về phát triển khu vực kinh tế hợp tác ở Việt Nam; <i>Vận dụng</i> kiến thức lý thuyết và thực tiễn học được vào <i>xây dựng và thực thi kế hoạch</i> phát triển cộng đồng;		X		X	X

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
CDR11	Có thể vận dụng kiến thức lý về quản trị, nghiên cứu thị trường, marketing, kế toán, tài chính, hoạt động thương mại quốc tế để <i>tham gia</i> các vào <i>triển khai</i> hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác và tham gia các nghiệp vụ kinh doanh trong môi trường quốc tế;		X			x
CDR12	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;			X		
CDR13	Có kỹ năng đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách; Có kỹ năng trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến phát triển cộng đồng, phát triển bền vững và bao trùm; hoặc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác.			X		
CDR14	Có kỹ năng ra quyết định.			X		
CDR15	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;				X	
CDR16	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.				X	

#### 4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>1. Giáo dục đại cương</b>																		
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	2														X	X
2	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2														X	X
3	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2														X	X
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2														X	X
5	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2														X	X
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1				2	4										X	X
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1				2	4										X	X
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học			2									X			X	X
9	TOCC05	Toán cao cấp			2												X	X
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			2				3								X	X
11	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*											X				X	X
12	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2											X				X	X
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3											X				X	X
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4											X				X	X
15	LUĐC01	Pháp luật đại cương		2													X	X
16	TOĐC06	Tin học đại cương															X	X
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*												X	X			
<b>Giáo dục thể chất</b>																		
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*															X	X
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*															X	X

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*															x	x
<b>Giáo dục quốc phòng</b>																		
21	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*															x	x
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>																		
1	TOKT05	Kinh tế lượng			2												x	x
2	KHMI03	Kinh tế vi mô 2				2	4										x	x
3	KHCC06	Kinh tế công cộng				2	4										x	x
4	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2				2	4										x	x
5	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế			2				3								x	x
6	QTHO06	Quản trị học															x	x
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>																		
1	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo															x	x
2	QTDM01	Digital Marketing															x	x
3	QTBH01	Quản trị bán hàng															x	x
4	QTNL03	Quản trị nhân lực															x	x
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ															x	x
6	TCTH26	Thuế															x	x
7	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp															x	x
8	KHĐT05	Kinh tế đầu tư															x	x
9	TCCK25	Thị trường chứng khoán															x	x
10	QHĐL07	Địa lý kinh tế															x	x
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>																		
1	LUKT02	Pháp luật kinh tế			2	2				4							x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	KHKT11	Kinh tế phát triển			2	2											x	x
3	ĐNTM08	Thương mại quốc tế			2	2				4							x	x
4	QTMC02	Marketing căn bản															x	x
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán															x	x
6	KTPT27	Nhập môn kinh tế hợp tác									2						x	x
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>																		
2	QTCL01	Quản trị chiến lược										3				x	x	x
3	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp										3					x	x
4	TCKQ01	Kế toán quản trị								4		3					x	x
5	TCKH04	Kế toán tài chính								4		3					x	x
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp										3					x	x
7	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư															x	x
8	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư															x	x
9	ĐTDM04	Quản lý danh mục đầu tư															x	x
10	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính															x	x
11	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư								4							x	x
12	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô				2				3						x	x	x
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>																		
1	QH BV01	Phát triển bền vững					4										x	x
2	KTPT21	Phát triển cộng đồng					4					3					x	x
3	KTPT17	Kế hoạch phát triển						4									x	x
4	KTPT22	Quản lý tổ chức kinh tế hợp tác						4			2	3	3			6	x	x
5	KTPT23	Chính sách và pháp luật trong hoạt động kinh								4	2	3					x	x



TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
		tế hợp tác																		
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế														x		x	x	
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>																		3	x	
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng			2								3				6	x	x	
2	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu			2					4			3			6	x	x		
3	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế								4								x	x	
4	TCTH0	Kế toán thuế								4			3					x	x	
5	QTTT02	Nghiên cứu thị trường			2											x		x	x	
6	KTPT20	Kinh tế phát triển so sánh							4							x		x	x	
7	KTPT17	Phân tích không gian							4							x		x	x	
8	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích							4				3			x		x	x	
9	QTSX01	Quản trị sản xuất và tác nghiệp											3					x	x	
<b>8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn tốt nghiệp)</b>																				
1	KTPT25	Kế hoạch phát triển kinh tế địa phương							4										x	x
2	KTPT26	Thống kê hoạt động kinh tế hợp tác			2				4										x	x
<b>9. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp</b>																				
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp										2	3	3		x		x	x	
2	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp										2	3			x		x	x	

**Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom**

(1) Nhớ                      (2) Hiểu                      (3) Vận dụng                      (4) Phân tích                      (5) Đánh giá                      (6) Sáng tạo

(\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

## **PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### **5.1.1 Thời gian đào tạo**

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8. Sinh viên có thể học nhanh hơn và không cần đến 8 học kỳ để có thể tốt nghiệp.

#### **5.1.2 Cách thức thực hiện**

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 32%), Kiến thức cơ sở ngành: 40 tín chỉ (chiếm 31%) được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học. Các học phần thuộc kiến thức ngành: 13 tín chỉ (chiếm 10%); Kiến thức chuyên ngành: 28 tín chỉ (22%) và Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ (8%) được tập trung vào kỳ 6 và kỳ 7 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học. Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế (4 tín chỉ), viết khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ) nếu đủ điều kiện theo quy định. Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 132 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế, chuyên ngành Kế hoạch phát triển.

Chi tiết kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế ở Khung chương trình đào tạo.

#### **5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp**

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức  $\geq 450$  điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Được cấp chứng chỉ kỹ năng mềm theo quy định;
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

### **5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập**

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học (không tính môn học tự chọn tự do) mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ
- Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học

□ Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng kí học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)

□ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

□ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....

□ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

□ Cách tính điểm học phần

□ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.

□ Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

□ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

□ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

ai: là điểm của học phần thứ i

ni: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

### **5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần**

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh tế, kế hoạch phát triển doanh nghiệp, kế hoạch phát triển kinh tế và kế hoạch nguồn lực.

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1043/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

## **PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên chuyên ngành đào tạo: **KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

Tên tiếng Việt: **KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

Tên tiếng Anh: **DEVELOPMENT ECONOMICS**

- Mã số ngành đào tạo: **7310105**

- Trình độ đào tạo: Cử nhân

- Thời gian đào tạo: 3.5 – 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt:

**CỬ NHÂN KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

**Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển**

Tên tiếng Anh:

**BACHELOR OF DEVELOPMENT ECONOMICS**

**Major: Development Economics**

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: **KHOA KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

### **1.2. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo này là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có kiến thức và kỹ năng để làm việc một cách khoa học trong (1) nghiên cứu, phân tích, phản biện, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế của một quốc gia hay một vùng cụ thể; (2) xây dựng và thực thi các chương trình và dự án phát triển; (3) nghiên cứu về các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội - môi trường, về các mô hình phát triển của các quốc gia, các địa phương, các khu kinh tế, và các tập đoàn kinh tế; (4) phát triển hoạt động kinh tế và kinh doanh theo hướng bền vững và bao trùm.

#### **1.2.2. Mục tiêu cụ thể**

- **Về kiến thức:** Sau khi học xong chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT1) Có kiến thức đại cương về kinh tế, từ đó nắm bắt được những quy luật kinh tế cơ bản cũng như cách thức vận hành của nền kinh tế;

(MT2) Có kiến thức đặc trưng của sinh viên ngành Kinh tế phát triển, gồm kiến thức nền tảng về kinh tế học, kiến thức chuyên sâu về kinh tế phát triển và về các phương pháp nghiên cứu trong kinh tế; có kiến thức lý thuyết và thực tiễn về: chính sách và pháp luật trong kinh tế và kinh doanh; xây dựng và thực thi kế hoạch; phân tích, đánh giá, đề xuất chính sách kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, và các chính sách phát triển kinh tế bền vững và bao trùm; phân tích, đánh giá, dự báo các vấn đề phát triển kinh tế xã hội;

(MT3) Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn về: đánh giá mô hình phát triển của các quốc gia, địa phương, các tổ chức kinh tế; xây dựng và đánh giá các chương trình và dự án phát triển; chính sách phát triển kinh tế bền vững và bao trùm; các nghiệp vụ kinh tế và kinh doanh mà sinh viên theo học ở các học phần tự chọn.

- **Về kỹ năng:** Sau khi học xong chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT4) Có kỹ năng so sánh sự khác biệt về phát triển giữa các nền kinh tế ở các cấp độ từ vĩ mô đến vi mô;

(MT5) Có kỹ năng vận dụng các lý thuyết phát triển, các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và các phương pháp nghiên cứu khác để phân tích chính sách, phân tích tình hình kinh tế và kinh doanh; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, thông tin thực tiễn; ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào công việc và cuộc sống;

(MT6) Có các kỹ năng phổ biến của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế, gồm kỹ năng quản lý tài chính, kỹ năng dự báo thị trường, kỹ năng đàm phán và giao dịch, kỹ năng văn phòng; và các kỹ năng mềm khác như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:***

(MT7) Sau khi học xong chương trình này, sinh viên có khả năng tiếp tục tự học và phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bản thân; có thể làm việc độc lập, chủ động và có trách nhiệm cao trong công việc; Sinh viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, và có trách nhiệm với xã hội.

***Về vị trí và nơi làm việc sau tốt nghiệp:***

Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ có đủ năng lực để làm việc tại (nhưng không giới hạn ở) những vị trí sau:

- + Bộ phận xây dựng và thực thi chính sách phát triển kinh tế các cấp từ trung ương đến địa phương;
- + Bộ phận xây dựng, thực thi, đánh giá các chương trình và dự án phát triển;
- + Bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế, thị trường ở các cơ quan nhà nước, các tổ chức tài chính, các tập đoàn, các doanh nghiệp, và các tổ chức kinh tế khác;
- + Bộ phận nghiên cứu chính sách, mô hình phát triển kinh tế ở các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;

+ Các bộ phận liên quan đến kinh tế và kinh doanh như marketing, kế toán, kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng, tài chính tại các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

### ***1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học:***

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

### ***1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường***

Sinh viên sau khi ra trường có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

## **1.3. Thông tin tuyển sinh**

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển

## **1.4. Điều kiện nhập học**

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển

## PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Chuẩn đầu ra

#### A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Tất cả sinh viên sau khi tốt nghiệp có những năng lực sau:

##### A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện:

- (1) Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- (2) Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;
- (3) Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;
- (4) Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;

##### A.2. Chuẩn đầu ra chung của ngành:

- (5) Giải thích được cơ chế vận hành và tác động, đề xuất được ý tưởng các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm; giải thích được chính sách và cơ chế vận hành của nền kinh tế theo cách tiếp cận địa lý và không gian kinh tế.
- (6) Vận dụng được các nguyên lý, đánh giá được nội dung, đề xuất được một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;
- (7) Thực hiện được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;
- (8) Vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;

##### A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành:

- (9) Vận dụng được các lý thuyết phát triển kinh tế vào so sánh và đánh giá tình hình phát triển của các nền kinh tế từ cấp độ doanh nghiệp đến cấp độ quốc gia và khu vực;
- (10) Vận dụng được các lý thuyết kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, kinh tế phát triển vào phân tích và đánh giá chính sách, phân tích và đánh giá các tình huống kinh tế và kinh doanh trong thực tiễn;
- (11) Áp dụng được các lý thuyết kinh tế và kinh doanh đã học vào xây dựng các mô hình nghiên cứu về kinh tế và kinh doanh;
- (12) Áp dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính và các phương pháp nghiên cứu khác để thực hiện các nghiên cứu về kinh tế và kinh doanh;
- (13) Đề xuất ý tưởng, trình bày, và ra quyết định về các chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội;



(14) Áp dụng kiến thức và kỹ năng của sinh viên khối ngành kinh tế về tài chính, kế toán, kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, marketing, quản trị vào hoạt động kinh tế và kinh doanh.

### **B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

(15) Có thể đọc tổng hợp tài liệu, thu thập thông tin và phân tích dữ liệu để: (i) giải thích sự khác nhau giữa các mô hình phát triển kinh tế; (ii) dự báo tình hình phát triển kinh tế; (iii) phân tích và đánh giá các chính sách phát triển kinh tế xã hội.

(16) Có thể thu thập dữ liệu, sử dụng các phương pháp khoa học và các phần mềm nghiệp vụ trong nghiên cứu và trong các nhiệm vụ cụ thể;

(17) Có kỹ năng ra quyết định;

(18) Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;

### **C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp**

(19) Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

(20) Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

### PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ, bao gồm:

1. Kiến thức Giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (không bao gồm kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)
2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 18 tín chỉ
3. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn: 9 tín chỉ
4. Kiến thức ngành bắt buộc: 18 tín chỉ
5. Khối kiến thức ngành lựa chọn: 9 tín chỉ
6. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 16 tín chỉ
7. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn: 9 tín chỉ
8. Khối kiến thức lựa chọn tốt nghiệp: 10 tín chỉ

#### 3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Giáo dục đại cương</b>			<b>41</b>	<b>31,5%</b>
1	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	2
2	TOĐC06	Tin học đại cương	3	2
3	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
6	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	1
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	2
12	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	3
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
<b>Giáo dục thể chất</b>			<b>2</b>	<b>2</b>
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	3	1
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 3*	3	3

20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	3	3
<b>Giáo dục quốc phòng</b>				
21	GDQP03	Giáo dục quốc phòng*	8	1
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>			<b>18</b>	<b>13,8%</b>
1	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3	4
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4
4	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	5
5	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	5
6	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>			<b>9</b>	<b>6,9%</b>
1	QTHO06	Quản trị học	3	4
2	QTMC02	Marketing căn bản	3	4
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	3	5
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
6	TCTH26	Thuế	3	5
7	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	3	4
8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
9	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu	3	5
10	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python	3	5
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
12	LUKT31	Tư duy pháp lý	3	5
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>			<b>18</b>	<b>13,8%</b>
1	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	4	5
2	KHCO09	Đầu tư công	3	5
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
5	KHKT11	Kinh tế phát triển	3	6
6	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển	3	6
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>			<b>9</b>	<b>6,9%</b>
1	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	6
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6

3	TCKQ01	Kế toán quản trị	3	7
4	TCKH04	Kế toán tài chính	3	7
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	7
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	3	7
7	LUKT18	Luật thương mại	3	6
8	LUKT26	Pháp luật về đầu tư	3	6
9	QTDM01	Digital Marketing	3	6
10	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	6
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	3	6
12	PTDL08	Quản trị dữ liệu lớn với Apache Spark		6
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>			<b>16</b>	<b>12,3%</b>
1	KTKT08	Kinh tế phát triển 2	3	7
2	KTPT20	Kinh tế phát triển so sánh	3	7
3	KTPT17	Phân tích không gian	4	7
4	QTTT02	Nghiên cứu thị trường	3	7
5	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích	3	7
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>			<b>9</b>	<b>6,9%</b>
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
2	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
3	TCTH0	Kế toán thuế	3	6
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	6
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R	3	6
7	PTDL13	Công nghệ tài chính	3	7
8	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
9	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	6
10	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp	3	6
11	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
12	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
13	CHPT04	Kinh tế học quản lý	3	6
14	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách	3	6
15	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	3	6
16	CHPT11	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội	3	7
17	CHKT03	Thẩm định dự án đầu tư công	3	7

<b>8. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	<b>7,7%</b>
1	KLTN	Khoá luận tốt nghiệp	6	8
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
3	KTPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế	3	8
4	QHBV01	Phát triển bền vững	3	8
<b>TỔNG (Không bao gồm GDTC và GDQP)</b>			<b>130</b>	

### 3.3. Mô tả tóm tắt các học phần (tóm tắt các học phần nằm trong chương trình đào tạo).

STT	Mã số học phần	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>				<b>41</b>	
1	LUĐC01	Pháp luật đại cương	<p>Học phần Pháp luật đại cương được phân bố thành bốn phần.</p> <p>Phần thứ nhất nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về nhà nước như nguồn gốc ra đời nhà nước; bản chất, các kiểu nhà nước; chức năng, bộ máy, hình thức nhà nước và chế độ chính trị.</p> <p>Phần thứ hai nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về pháp luật như nguồn gốc ra đời pháp luật, bản chất, chức năng và các kiểu pháp luật, Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý, Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật.</p> <p>Phần thứ ba nghiên cứu một số nội dung cơ bản nhất của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam như ngành luật Hiến pháp (ngành luật Nhà nước), ngành luật Hành chính, ngành luật Hình sự và ngành luật tố tụng hình sự, ngành luật dân sự và ngành luật Tố tụng dân sự, ngành luật Lao động, ngành luật Hôn nhân Gia đình và ngành luật Kinh tế.</p> <p>Phần thứ tư nghiên cứu một số vấn đề cơ bản</p>	3	2

			nhất về văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính như khái niệm và đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá sự tác động của văn bản đến đời sống xã hội, hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật và thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản..		
2	TOĐC06	Tin học đại cương	<p>Môn Tin học đại cương bao gồm những nội dung kiến thức và kỹ năng cơ bản như sau:</p> <p>Những kiến thức căn bản về máy tính, hệ điều hành.</p> <p>Những kỹ năng cơ bản về: Microsoft Word, Excel, PowerPoint, Access, Outlook.</p> <p>Những thao tác cơ bản trong sử dụng và khai thác mạng, Internet.</p> <p>Môn học Kỹ năng Tin học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, khai thác và sử dụng Internet, sử dụng các công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của Hệ điều hành Windows. Qua đó, người học có thể tự học và áp dụng vào từng công việc cụ thể sau này, có khả năng tự cập nhật kiến thức tin học cho phù hợp với yêu cầu thực tế</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng tin học văn phòng; kỹ năng sử dụng và khai thác internet</p>	3	2
3	TOCC05	Toán cao cấp	<p>Những kiến thức về phép tính vi phân của hàm một biến: giới hạn, tính liên tục, khả vi của hàm một biến, một số ứng dụng của đạo hàm.</p> <p>Những kiến thức về phép tính tích phân của hàm một biến: nguyên hàm, tích phân, tích phân suy rộng, một số ứng dụng của tích phân.</p> <p>Những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân thường.</p> <p>Những kiến thức về lý thuyết hàm nhiều biến và bài toán cực trị</p> <p>Sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao</p>	3	1

			về toán ứng dụng.		
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	<p>Cung cấp nền tảng kiến thức chung về bản chất, các quy luật chi phối các hiện tượng, quá trình kinh tế, chính trị-xã hội. Giúp người học vận dụng các quy luật kinh tế-xã hội vào các hoạt động kinh tế, chính trị-xã hội nhằm đạt được hiệu quả cao; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu “<i>Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh</i>”.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, quy luật kinh tế hàng hóa; hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.</p>	2	1
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	<p>Chương trình Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản và hợp lý nhưng vẫn bảo đảm tính hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, cơ giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng</p>	3	2
6	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	<p>Chương trình Tiếng Anh tổng quát 2 là chương trình thứ hai trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn;</li> <li>- Những từ vựng được sử dụng trong các tình</li> </ul>	3	1

			<p>huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc</p> <p>- Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ;</p> <p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam</b></p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1</p>		
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Học phần gồm 8 chương: Chương mở đầu và 7 chương nội dung.</p> <p>Chương mở đầu: làm rõ đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Chương I: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>Từ chương II đến chương VII: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, nội dung lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam</p>	2	1
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	<p>Kinh tế vĩ mô 1 là môn học giới thiệu và nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô. Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Bên cạnh đó, Kinh tế vĩ mô 1 cũng sẽ nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu kinh tế trong ngắn hạn</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình</p>	3	3



			kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô.		
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần gồm 4 chương mô tả khái quát về quá trình thành lập và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, các thành tựu đạt được và những điểm còn cần cải thiện trong hoạt động của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nội dung của học phần giúp sinh viên không những hiểu rõ hơn về lịch sử phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam mà còn hình thành tư duy triết lý trong phát triển một đảng phái chính trị. Các chương cụ thể của học phần như sau: Chương 1:Giới thiệu khái quát vềđội tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, giúp người học nắm vững cách tiếp cận và ý nghĩa của việc học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương 2:Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử của cách mạng giải phóng dân tộc, là nhân tố quyết định thắng lợi cách mạng Việt Nam. Tiếp đó, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ (1930 – 1945), đưa cách mạng Việt Nam giành thắng lợi, góp phần giải phóng giai cấp, dân tộc, con người. Chương 3: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước từ (1945 – 1975). Chương 4: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018).	2	1
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nghiên cứu những kiến thức cơ sở về xác suất cổ điển, về các phương pháp ước lượng (điểm/khoảng) và phương pháp chung thực hiện một bài toán kiểm định thông qua các nội dung: các công thức tính xác suất, các quy luật phân phối thông dụng, phương pháp ước lượng moment và	3	2

			<p>ước lượng hợp lý cực đại, các bài toán kiểm định thông dụng...</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê kinh tế, lý thuyết và các dạng mô hình xác suất</p>		
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	<p>Chương trình Tiếng Anh tổng quát 3 là chương trình thứ ba trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <p>Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn;</p> <p>Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch...</p> <p>Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế.</p> <p>- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.</p>	3	2
12	THML04	Triết học Mác - Lênin	<p>Trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật.</p>	3	1

			Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển		
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào con đường đi lên CNXH ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.	2	2
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.	3	4
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	Chương trình tiếng Anh tổng quát 4 (TATQ04) dành cho chương trình đại trà là chương trình thứ tư trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh hệ	3	3

			<p>chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <p>Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện.</p> <p>Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý.</p> <p>Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe</p> <p>Khóa học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về ngôn ngữ 4 kỹ năng theo các chủ đề thông dụng trong cuộc sống và môi trường làm việc, có khả năng giao tiếp hàng ngày, nghe hiểu các đoạn hội thoại hàng ngày, phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; viết thư tín giao dịch và thương mại; cấu trúc bài thi quốc tế (IELTS).</p>		
16	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	Sinh viên cần nắm các kiến thức về an ninh quốc phòng	8	Không tính điểm
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng	Có kỹ năng đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách; Có kỹ năng trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến phát triển cộng đồng, phát triển bền vững và bao trùm; hoặc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác	3	
18	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	Sinh viên cần nắm các kiến thức cơ bản về lý thuyết thể dục	2	
19	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	Sinh viên cần nắm các kiến thức cơ bản về cầu lông/ bóng chuyền	2	
20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	Sinh viên cần nắm các kiến thức cơ bản về bóng đá	2	
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
1	QHDL07	Địa lý kinh tế	Các hoạt động kinh tế của 1 vùng lãnh thổ được hình thành và phát triển dựa trên các câu hỏi chính, gồm sản xuất Cái gì? Cho ai và Do ai? Khi nào?	3	4

			<p>Như thế nào? Ở đâu? Và Tại sao?. Trong đó, nếu kinh tế học giúp trả lời phần lớn các câu hỏi, Địa lý kinh tế tập trung vào hình thành tư duy và giúp trả lời 2 câu hỏi Ở đâu? và Tại sao?. Vì vậy, môn học tập trung vào 02 nội dung chính</p> <p><b>Phần một: Địa lý trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.</b> Cung cấp những kiến thức khái quát nhằm hình thành tư duy địa lý cho sinh viên trong nghiên cứu các vấn đề về phát triển kinh tế.</p> <p><b>Phần hai: Địa lý một số khu vực và quốc gia trên thế giới.</b> Phần này giới thiệu đặc điểm kinh tế - xã hội với những nét đặc trưng của một số quốc gia, khu vực trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam.</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về các thế mạnh nguồn lực phát triển của Việt nam, về tài nguyên thiên nhiên, về phân vùng kinh tế và marketing lãnh thổ</p>		
2	TOKT05	Kinh tế lượng	<p>Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về lượng hóa các mối quan hệ kinh tế, bao gồm các bước trong việc xây dựng mô hình kinh tế lượng từ hàm hồi quy đơn, hồi quy bội, đồng thời phát hiện các khuyết tật trong mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi....</p> <p>Ngoài ra, môn học cũng cung cấp công cụ phân tích dự báo các hiện tượng kinh tế - xã hội từ chính các mô hình kinh tế lượng.</p>	3	4
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	<p>Môn học Kinh tế vi mô 2 cung cấp các lý thuyết về hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất, ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Ngoài ra, môn học còn trang bị các công cụ nâng cao trong phân tích cân bằng tổng quát cũng như kiến thức về lựa chọn trong điều kiện rủi ro</p>	3	4
4	KHCC06	Kinh tế công cộng	<p>Học phần nghiên cứu về vấn đề hiệu quả kinh tế, vấn đề thất bại của thị trường và các chính sách</p>	3	5

			can thiệp của Chính phủ, vấn đề bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập, nghèo đói và vai trò của chính phủ trong tái phân bổ thu nhập, vai trò của chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào cơ chế thị trường.		
5	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	Kinh tế vĩ mô 2 là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt, thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Bên cạnh đó, chúng ta cũng sẽ nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, tăng trưởng kinh tế trong rất dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn	3	5
6	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	Bao gồm các bước trong quá trình nghiên cứu thống kê, như điều tra, phân tích, nghiên cứu các mức độ về số tương đối, số tuyệt đối, dãy số thời gian, chỉ số... Sau khi có được các số liệu thống kê, phải tiến hành trình bày được các số liệu trên bảng, biểu, đồ thị,... qua đó phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các số liệu thu thập được.  Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng thống kê và phân tích thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội	3	4
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>				<b>9</b>	<b>Kỳ 4,5</b>
1	QTHO06	Quản trị học	Học phần “Quản trị học” là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất mà một nhà quản trị, dù trên cương vị nào, trong bất cứ tổ	3	

			<p>chức nào cũng phải có được. Học phần “Quản trị học” gồm những nội dung cơ bản sau: •Tổng quan về quản trị: trong đó giới thiệu về hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị hệ thống xã hội; quá trình quản trị và nhà quản trị; sự phát triển các tư tưởng quản trị. •Phân tích môi trường quản trị; đạo đức và trách nhiệm xã hội của quản trị; quản trị trong môi trường toàn cầu hóa. •Quá trình ra quyết định và đảm bảo thông tin cho quyết định quản trị. •Nội dung cơ bản của quá trình quản trị bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.</p>		
2	QTMC02	Marketing căn bản	<p>Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing-mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.</p>	3	
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	<p>Môn học được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu vận hành một công việc kinh doanh mới, có thể theo hướng khởi nghiệp dựa vào từ việc khai thác thị trường có sẵn hoặc khởi nghiệp dựa vào những năng lực vượt trội về công nghệ, về mô hình kinh</p>	3	

			doanh mới và có thể tăng trưởng nhanh.		
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	- Học phần bao gồm 08 chương, với các nội dung cơ bản về lý thuyết hạch toán kế toán, Đối tượng kế toán; phương pháp chứng từ kế toán; phương pháp tính giá; phương pháp tài khoản; kế toán các quá kinh doanh chủ yếu; phương pháp tổng hợp cân đối kế toán; Bộ máy kế toán và hình thức kế toán. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập thực hành.	3	
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ giới thiệu những lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ, về hệ thống tài chính quốc gia cũng như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu những môn chuyên ngành sau này. Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương, Quản lý tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế,....	3	
6	TCTH26	Thuế	Thuế là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần thuế nghiên cứu đặc điểm, vai trò của thuế trong đời sống kinh tế xã hội. Học phần giới thiệu chi tiết các sắc thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế nhà đất,... Thông qua chương trình của học phần, sinh viên có thể nắm vững được kiến thức và kỹ năng về thuế trong thực tế để phục vụ công tác học tập, nghiên cứu và thực thi công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.	3	
7	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức những kiến thức cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ	3	



			thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp		
8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, quyền riêng tư và chính sách bảo mật của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark, Python, R,... Ngoài ra, học viên sẽ được tiếp cận tư duy phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization), xây dựng mô hình ra quyết định, các công nghệ áp dụng cho hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, các hướng tối ưu dữ liệu cho kinh doanh, phân tích dữ liệu để thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp,...	3	
9	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu (CSDL) và hệ quản trị CSDL, các thành phần cơ bản trong phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server, ngôn ngữ T-SQL và các đối tượng CSDL, các tác vụ quản trị hệ thống, những ứng dụng thực tế với các hoạt động của các tổ chức và doanh nghiệp	3	
10	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python	Ngôn ngữ lập trình R/Python là trụ cột của các nhiệm vụ liên quan đến lập trình chung như phát triển các ứng dụng web hay máy tính để bàn, do đó R/Python trở thành một lựa chọn hấp dẫn cho các nhà khoa học dữ liệu là khả năng đọc và năng suất tuyệt vời của nó. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình R/PyThon như các bước để cài đặt trên hệ điều hành Windows/Mac và sử dụng	3	

			R/PyThon để xử lí phân tích dữ liệu ở mức độ cơ bản.		
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về hoạt động đầu tư phát triển để người học có thể vận dụng trong các quyết định đầu tư. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: khái niệm và bản chất của đầu tư; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và cách huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; môi trường đầu tư; đầu tư công; phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; đầu tư quốc tế; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp; quản lý đầu tư theo dự án.	3	
12	LUKT31	Tư duy pháp lý	Môn học sẽ trình bày các nội dung Tổng quan về Pháp luật Kinh tế, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.	3	
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>				<b>18</b>	
1	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	Môn Phân tích và dự báo Kinh tế vĩ mô là môn học hướng dẫn ứng dụng các kiến thức đã học trong các môn toán, xác suất thống kê, kinh tế lượng, kinh tế học vĩ mô, kinh tế học vĩ mô, kết hợp với dữ liệu thực tế về nền kinh tế Việt Nam và các nước, để tiến hành phân tích và dự báo thực nghiệm về nền kinh tế Việt Nam.	4	5
2	KHCO09	Đầu tư công	Là môn học bắt buộc: cho các chuyên ngành Kế hoạch Phát triển, Tài chính Công và Chính sách công. Ở bậc đại học, học phần trình bày ở Hợp phần thứ nhất về những vấn đề lý luận cơ bản về	3	5

			đầu tư khu vực công và những cơ chế chính sách của Việt Nam trong quản lý hoạt động đầu tư công, như: lý luận về đầu tư công và quản lý đầu tư công; nguồn vốn đầu tư công; quản lý và kế hoạch hóa đầu tư công; Ở hợp phần thứ hai, học phần tập trung hướng dẫn người học đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư công; phương pháp lập dự án đầu tư công; thẩm định dự án đầu tư công; và đấu thầu công.		
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	Môn học sẽ trình bày các nội dung Tổng quan về Pháp luật Kinh tế, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.	3	5
4	KHKT11	Kinh tế phát triển	Học phần mở đầu với việc phân tích sự phân phối thu nhập trên thế giới, so sánh mức sống của các nhóm quốc gia khác nhau và phân loại các nhóm nước trên thế giới, đồng thời so sánh trình độ phát triển các nhóm quốc gia đó. Tiếp đó, chương 2 giới thiệu môn học kinh tế phát triển và các khái niệm, khung lý thuyết cơ bản. Chương 3 đề cập đến các mô hình tăng trưởng kinh tế. Chương 4 phân tích tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu của các nền kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế cùng với các động lực và hệ quả của chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chương cuối cùng phân tích khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển: các mục tiêu phát triển xã hội và các tiêu chí đánh giá và các mô hình có liên quan	3	6
5	CSCS11	Chính sách công	Học phần gồm 6 chủ đề lớn: (i) tổng quan về chính sách công; (ii) các chủ thể hoạt động chính	3	6

			sách công; (iii) công cụ chính sách; (iv) hoạch định chính sách công; (v) thực thi chính sách công và (vi) đánh giá chính sách công. Sinh viên sẽ được giới thiệu thế nào là một chính sách công, và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Ngoài ra mỗi sinh viên sẽ được tham gia tập viết bài viết chính sách công ngắn đây là cơ hội tốt để sinh viên rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả.		
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế		2	6
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>				<b>9</b>	<b>Kỳ 6,7</b>
1	QTNL03	Quản trị nhân lực	Học phần “Quản trị nguồn nhân lực” là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Học phần “Quản trị nguồn nhân lực” gồm những nội dung cơ bản sau: •Tổng quan về Quản trị nguồn nhân lực: trong đó giới thiệu cho sinh viên khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực trong tổ chức, các triết lý quản lý, các hoạt động cơ bản của quản trị nhân lực, trách nhiệm của người liên quan trong quản trị nhân lực và các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị nhân lực của tổ chức. •Phân tích công việc: nêu lên các kết quả của phân tích công việc và các ứng dụng của nó trong các hoạt động quản trị. •Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực: làm rõ tầm quan trọng của tuyển dụng, các nguồn và các phương pháp tuyển dụng •Đánh giá pthực hiện công việc và đào tạo phát triển nguồn nhân lực: •Thù lao lao động: để động viên và tăng cường sự gắn bó của người lao động với tổ chức, các nhà quản lý cần quan tâm để thiết kế thù lao hợp lý.	3	
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp xây dựng chiến lược, xác định đường đi nước bước cho các	3	

			doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi hiện nay. Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc của toàn bộ khối ngành quản trị kinh doanh, và là học phần lựa chọn của nhiều ngành khác. Học phần này cung cấp những kiến thức và phương pháp phân tích môi trường kinh doanh, đánh giá thế mạnh, điểm yếu và các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, các phương pháp lựa chọn chiến lược.		
3	TCKQ01	Kế toán quản trị	Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: hiểu rõ được chức năng và nhiệm vụ của kế toán quản trị cũng như các phương pháp phân tích và kiểm soát chi phí; các phương pháp phân tích mối quan hệ giữa chi phí doanh thu- lợi nhuận; các phương pháp định giá... nhằm cung cấp các thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị.	3	
4	TCKH04	Kế toán tài chính	Học phần này cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phần hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành, với các nội dung cơ bản về Kế toán tài chính, Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, Kế toán TSCĐ, Kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, Kế toán tiền lương, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, Kế toán đầu tư tài chính, Kế toán vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả, Kế toán báo cáo tài chính. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập	3	
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	Môn học Thương mại quốc tế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại. Học phần giới thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Tiếp đến học phần đi sâu giới thiệu các lý thuyết	3	

			thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại, chính sách thương mại quốc tế và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế. Ngoài ra, học phần đi sâu giới thiệu về các vấn đề thương mại quốc tế đang diễn ra như hiệp định thương mại tự do và các vấn đề liên quan, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.		
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về logistics trong doanh nghiệp. Logistics trong doanh nghiệp là môn học nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất với chi phí tối ưu. Môn học cũng nghiên cứu tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình sản xuất được tiến hành đúng mục tiêu. Trong doanh nghiệp, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.	3	
7	LUKT18	Luật thương mại	Pháp luật kinh tế quốc tế đề cập tới các vấn đề lý luận quan hệ kinh tế quốc tế; các vấn đề pháp luật của WTO, EU, ASEAN về thương mại quốc tế; các vấn đề thực tiễn liên quan tới một số FTA giữa đa phương và song phương giữa Việt Nam và một số quốc gia; pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.	3	
8	LUKT26	Pháp luật về đầu tư	Môn học sẽ trình bày các nội dung về Pháp luật Đầu tư, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức về việc giao kết,	3	

			thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.		
9	QTDM01	Digital Marketing	Học phần môn học Digital Marketing giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong thời đại kỹ thuật số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Digital Marketing	3	
10	QTMS01	Marketing dịch vụ	Môn học gồm 8 chương chủ đề, cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về quản lý, marketing dịch vụ công; các phương thức xây dựng chiến lược cũng như phát triển các chính sách nhằm cung ứng cũng như phân phối dịch vụ công một cách có hiệu quả.	3	
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản nhất về Truyền thông marketing tích hợp (IMC), bản chất và mối quan hệ của các công cụ truyền thông, từ đó có thể vận dụng những kiến thức của IMC để xây dựng, triển khai các quyết định truyền thông marketing cho các cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức. Đồng thời chỉ rõ vai trò của truyền thông marketing trong hoạt động marketing cũng như hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong kinh doanh hiện đại. Trọng tâm của học phần này hướng tới các công cụ như Quảng cáo, Quan hệ công chúng, Xúc tiến bán, Bán hàng cá nhân, Marketing trực tiếp, Truyền thông qua mạng xã	3	

			hội và sự phối kết hợp giữa chúng nhằm nâng cao hiệu quả chiến lược truyền thông marketing. Gắn kết các hoạt động của biến số P4 (Promotion) với các biến số khác của marketing – mix, học phần này được coi là học phần chuyên sâu đối với sinh viên ngành marketing nói chung và là học phần cốt lõi của sinh viên chuyên ngành quản trị truyền thông marketing.		
12	PTDL08	Quản trị dữ liệu lớn với Apache Spark	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về một công cụ quản trị dữ liệu lớn là Apache Spark, các bước để cài đặt và sử dụng Apache Spark trên hệ điều hành Windows; Các thành phần cơ bản của Apache Spark; Cơ chế xử lý dữ liệu của Apache Spark; Các cách chạy một ứng dụng đơn giản cho đến cách xử lý dữ liệu thời gian thực với Spark Streaming, truy vấn dữ liệu với Spark SQL và làm việc với đồ thị thông qua GraphX API.	3	
<b>X'6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>				<b>16</b>	
1	KTKT08	Kinh tế phát triển 2	Học phần đề cập đến các mô hình phát triển ở khu vực vi mô, gồm các doanh nghiệp, các tập đoàn, các ngành sản phẩm. Sinh viên sẽ được tiếp cận với những tình huống thực tiễn, gặp gỡ những người thành công, và xây dựng dự án phát triển của cá nhân.	3	7
2	KTPT20	Kinh tế phát triển so sánh	Học phần Kinh tế phát triển so sánh là học phần kiến thức chuyên ngành của ngành Kế hoạch phát triển, Kinh tế phát triển. Học phần này cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng thể toàn diện về lĩnh vực kinh tế phát triển so sánh thông qua so sánh giữa các nền kinh tế trong quá trình phát triển. Kinh tế phát triển so sánh chủ yếu so sánh giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Kinh tế phát triển so sánh cho biết những kinh nghiệm trong quá trình chuyển	3	7



			đổi và tầm quan trọng các thể chế cơ bản của hệ thống tư bản chủ nghĩa. Ngoài ra, Kinh tế phát triển so sánh còn phân tích so sánh giữa thể chế của hệ thống tư bản hiện có và sự tiến hóa lịch sử của các thể chế đó như thế nào.		
3	KTPT17	Phân tích không gian	Môn học Phân tích không gian 1 nhằm mục tiêu cung cấp cho người học những thông tin khái quát và cơ bản về dữ liệu không gian và các mô hình phân tích không gian. Nội dung của môn học tập trung giới thiệu những kiến thức cơ bản về cách tư duy không gian, Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS), các đặc điểm và yếu tố của dữ liệu không gian, các cách thức và công cụ liên kết dữ liệu không gian và các hệ thống dữ liệu lớn khác (dữ liệu định lượng, định tính). Học phần này cũng giới thiệu khái quát về các phần mềm được sử dụng để thực hiện phân tích không gian như ArcGIS, MapInfo, STATA (mô hình hồi quy không gian được phát triển từ STATA 15), phần mềm R,... Học phần này cũng giới thiệu những mô hình và thực tiễn ứng dụng các mô hình phân tích không gian trong quá trình ra quyết định trong nhiều lĩnh vực ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô. Một số nội dung thực hành cơ bản với các phần mềm cũng được giới thiệu sơ lược.	4	7
4	QTTT02	Nghiên cứu thị trường	Đây là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành cho sinh viên quản trị doanh nghiệp HVCSPT, môn học tự chọn cho sinh viên các chuyên ngành khác của HVCSPT. Nội dung của học phần bao gồm một số phần cơ bản sau: - Giới thiệu tổng quan về nghiên cứu thị trường: Vai trò của nghiên cứu thị trường, quy trình nghiên cứu thị trường, các cách tiếp cận nghiên cứu thị trường, dịch vụ nghiên cứu thị trường. - Các phương pháp nghiên cứu thị trường: Bao gồm các phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng, nghiên cứu khám phá,	3	7

			<p>nghiên cứu mô tả, nghiên cứu nhân quả.</p> <p>- Thu thập, phân tích dữ liệu NCTT: Quá trình thu thập từ các nguồn bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, dữ liệu thứ cấp, dữ liệu sơ cấp.</p> <p>Qua đó đưa ra các báo cáo NCTT hỗ trợ nhà quản trị ra quyết định.</p>		
5		Phân tích chi phí lợi ích	<p>Học phần trang bị cho người học khả năng tư duy có hệ thống và chặt chẽ để phân tích các khía cạnh lợi ích và chi phí kinh tế trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư công: nhận dạng lợi ích, chi phí; đánh giá sự thay đổi của lợi ích, chi phí khi có thuế, trợ cấp và hoạt động xuất nhập khẩu,...; nhằm giúp người học có được những kiến thức và các phương pháp phân tích các phương án, dự án phát triển kinh tế xã hội khi ra quyết định lựa chọn các dự án đầu tư công.</p>	3	7
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>				<b>9</b>	<b>Kỳ 6,7</b>
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	<p>Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạch định và quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Nội dung cụ thể được đề cập đến bao gồm: khái niệm chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng toàn cầu và logistics, chiến lược hoạch định và vận hành chuỗi cung ứng, cách thức xây dựng hệ thống logistics, chiến lược thu mua, chiến lược sản xuất và chiến lược đáp ứng nhu cầu khách hàng trong chuỗi cung ứng, hệ thống vận tải và quản trị hệ thống vận tải, hệ thống thông tin logistics và hệ thống hỗ trợ quyết định... Cùng với đó, sinh viên sẽ được thảo luận các chủ đề liên quan như: vai trò và tầm quan trọng của quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, sự phát triển của công nghệ thông tin tác động như thế nào đến quản lý chuỗi cung ứng ngày nay. Kết thúc mỗi nội dung, học phần sẽ đưa ra các tình huống thực tế để giúp học viên</p>	3	

			hiểu sâu lý thuyết và ứng dụng vào thực tiễn. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho học viên các kiến thức thực tiễn ở Việt Nam thông qua phân tích, thảo luận và đánh giá một số tình huống, thực trạng hoạt động quản trị chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp		
2	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	Học phần “Quản lý dự án đầu tư” cung cấp những kiến thức về lý luận về dự án và quản trị dự án đầu tư và nội dung quản trị dự án đầu tư. Học phần cũng bao gồm các chương phân tích sâu vào các nội dung quan trọng của hoạt động quản trị dự án để sinh viên có thể vận dụng vào thực tiễn quản trị dự án của các tổ chức kinh tế và khu vực công. Để gắn kết với thực tiễn ở Việt Nam, các văn bản pháp lý mới nhất về lĩnh vực đầu tư cũng sẽ được hệ thống hóa để sinh viên có thể nắm rõ được cơ sở pháp lý để vận dụng trong thực tiễn.	3	
3	TCTH0	Kế toán thuế	Học phần bao gồm 07 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm hoạt động, nội dung tổ chức công tác kế toán thuế.	3	
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	Học phần Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu được thiết kế bao gồm 7 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến việc mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu. Nội dung của học phần được sắp xếp theo trình tự tiến hành một thương vụ thông thường, bao gồm chuẩn bị, tìm hiểu để ký kết hợp đồng, xây dựng hợp đồng mua bán hàng hóa, thực hiện hợp đồng, vận chuyển hàng hóa, mua bảo hiểm và thanh toán. Bên cạnh đó, người học cũng được giới thiệu thêm về các kiến thức liên quan đến bộ tập quán thương mại quốc tế (Incoterms) quy định về trách nhiệm và thời điểm chuyển giao rủi ro giữa bên mua và bên bán trong hoạt động xuất nhập khẩu, các kỹ thuật và những lưu ý liên quan đến đàm phán ký kết hợp đồng, các thuật ngữ được sử	3	

			dụng phổ biến trong hoạt động giao dịch, kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu		
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	<p>Thanh toán quốc tế (TTQT) là một trong các khâu quan trọng của giao dịch thương mại, kinh tế giữa chủ thể các quốc gia trên phạm vi thế giới. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận và thực tiễn nghiệp vụ về hoạt động thanh toán quốc tế, ngoại hối và tài trợ xuất nhập khẩu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. TTQT được giảng dạy với sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Sinh viên thường xuyên được tiếp cận với các Hợp đồng xuất nhập khẩu, Bộ chứng từ TTQT, các tình huống, giao dịch TTQT thực tế và thường xuyên được chia nhóm, thực hiện đóng vai (cán bộ ngân hàng, cán bộ công ty xuất nhập khẩu,...) để thực hành thảo luận, phân tích lợi thế cũng như đánh giá rủi ro các giao dịch TTQT theo tập quán quốc tế</p>	3	
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R	<p>Học phần này cung cấp cho người học các phương pháp xử lý dữ liệu, tổng hợp, kiểm định thống kê và thuật toán máy học trên phần mềm R với cú pháp dễ dàng thao tác và thân thiện với người dùng. Trong học phần này, người học sẽ được tiếp xúc với nhiều hàm R cốt lõi và một loạt các gói lệnh của bên thứ ba được duy trì một cách tích cực cho phép người dùng R được hưởng lợi từ hầu hết các công nghệ và khung dữ liệu lớn tiên tiến gần đây, như Hadoop, Spark, H2O, các cơ sở dữ liệu dựa trên SQL truyền thống, chẳng hạn như SQLite, MariaDB và PostgreSQL. Bằng cách thực hành theo các bài tập với dữ liệu thực tế, người học sẽ trải nghiệm trực tiếp cách tất cả các công cụ này được tích hợp với R thông qua tất cả các bước của Big Data Product Cycle, từ việc nhập dữ liệu và quản lý dữ liệu đến các kỹ thuật phân tích nâng cao và mô hình dự báo.</p>	3	

7	PTDL13	Công nghệ tài chính	Học phần gồm 4 chương nói về các ứng dụng của công nghệ trong hoạt động tài chính, về hệ sinh thái công nghệ tài chính, các mô hình kinh doanh hiện đại như thanh toán điện tử (e-payments), hợp đồng thông minh (smart contract). Ngoài ra, học phần sẽ cung cấp các kiến thức về tiền mã hóa, các loại tiền mã hóa phổ biến hiện nay và cơ chế tạo ra một đồng tiền mã hóa phục vụ cho các hoạt động thanh toán trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.	3	
8	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	Học phần “Thẩm định dự án đầu tư” cung cấp những kiến thức về lý luận về dự án, phương pháp lập, kỹ thuật và thẩm định dự án đầu tư. Học phần cũng bao gồm các chương phân tích sâu vào các nội dung quan trọng của công tác lập và thẩm định dự án đầu tư để sinh viên có thể tiến hành lập hay thẩm định dự án. Để gắn kết với thực tiễn ở Việt Nam, các văn bản pháp lý mới nhất về lĩnh vực đầu tư cũng sẽ được hệ thống hóa để sinh viên có thể nắm rõ được cơ sở pháp lý để vận dụng trong thực tiễn	3	
9	TCCK25	Thị trường chứng khoán	Học phần gồm 10 chủ đề với các nội dung cơ bản về: Giới thiệu tổng quát về thị trường chứng khoán; phân loại chứng khoán; hoạt động của sở giao dịch chứng khoán; thị trường chứng khoán phi tập trung(OTC); các thành viên tham gia thị trường chứng khoán; các nghiệp vụ chủ yếu của thị trường chứng khoán; hệ thống thông tin chứng khoán; phân tích chứng khoán; quản lý và giám sát thị trường chứng khoán.	3	
10	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp	Môn học sẽ trình bày các nội dung Tổng quan về Pháp luật doanh nghiệp, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức	3	

			về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.		
11	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	Môn học này giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản về Phân tích TCDN như đọc các BCTC; vận dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích trong thực tiễn. Biết kết hợp giữa phân tích tài chính cơ bản và khối kiến thức chuyên sâu về phân tích tài chính với các kiến thức bổ trợ từ các chuyên ngành đào tạo của Học Viện để hình thành các kỹ năng phát hiện, đánh giá và giải quyết các vấn đề cốt lõi về quản trị tài chính phát sinh ở mỗi đơn vị như: phân tích cơ bản, phân tích báo cáo tài chính, phân tích rủi ro, sử dụng thành thạo, có hiệu quả các công cụ phân tích tài chính vào quản trị tài chính trong từng bối cảnh cụ thể.	3	
12	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư	Học phần “Thẩm định dự án đầu tư” cung cấp những kiến thức về lý luận về dự án, phương pháp lập, kỹ thuật và thẩm định dự án đầu tư. Học phần cũng bao gồm các chương phân tích sâu vào các nội dung quan trọng của công tác lập và thẩm định dự án đầu tư để sinh viên có thể tiến hành lập hay thẩm định dự án. Để gắn kết với thực tiễn ở Việt Nam, các văn bản pháp lý mới nhất về lĩnh vực đầu tư cũng sẽ được hệ thống hóa để sinh viên có thể nắm rõ được cơ sở pháp lý để vận dụng trong thực tiễn.	3	7
<b>8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn tốt nghiệp)</b>				<b>6</b>	
1	KTPPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế	Môn Phân tích định lượng trong kinh tế là môn học hướng dẫn ứng dụng các kiến thức đã học trong các môn toán, xác suất thống kê, kinh tế lượng, kinh tế học vĩ mô, kinh tế học vi mô; cùng với các công cụ đã được cung cấp trong môn Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô (cơ bản) để tiến hành phân tích và dự báo thực nghiệm về nền kinh tế Việt Nam và thế giới.	3	8

2	QHBV01	Phát triển bền vững	Học phần Phát triển bền vững tập trung giới thiệu, trao đổi, thảo luận với sinh viên về các vấn đề phát triển bền vững và một số mô hình kinh tế hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.	3	8
<b>Học phần không tính điểm</b>					
1	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	<p>Chương trình tiếng Anh tổng quát 1 là chương trình đầu tiên trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <p>Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...;</p> <p>Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...;</p> <p>Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ;</p> <p>Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu</p> <p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh đơn giản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết đối với người mới học</p>	3	1
<b>Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp</b>					
1	KLTN	Khoá luận tốt nghiệp	Học phần dành cho sinh viên năm cuối, kết hợp kiến thức lý thuyết và thực tiễn trong quá trình học tập và làm việc tại cơ sở thực tiễn, hoàn thành một nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, được thể hiện ở báo cáo Khoá luận tốt nghiệp. Khoá luận tốt nghiệp là một báo cáo thực tiễn độc lập, do	6	8

			sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của một hoặc một số giảng viên về lĩnh vực chuyên môn của chuyên ngành đào tạo.		
2	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	Học phần giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh; kết hợp kiến thức thực tiễn với kiến thức lý thuyết đã được trang bị. Sinh viên năm cuối sẽ trực tiếp làm việc tại các đơn vị thực tiễn trong 8 tuần và đạt các yêu cầu trong quy chế đào tạo của Học viện.	4	8
<b>TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC &amp; Quốc phòng)</b>				<b>130</b>	

### 3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

#### 3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Cố vấn học tập gặp mặt sinh viên đã nhập học, giới thiệu về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện. Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên. Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo cho các khóa như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh, Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Bùi Thị Hoàng Mai	ThS	Kinh tế phát triển	GV, PTK
2	Tô Trọng Hùng	TS	Kinh tế quốc dân	GV
3	Phan Lê Nga	ThS	Tài chính	GV
4	Nguyễn Thị Bích	ThS	Quản lý phát triển	GV



	Phương			
5	Nguyễn Thành Đô	ThS	Tài chính	GV

### **3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp**

Bên cạnh các hoạt động ngoại khóa là một phần của môn học như đi thực tế địa phương, thực tế doanh nghiệp, tham gia các hoạt động trách nhiệm cộng đồng, sinh viên khoa Kinh tế phát triển còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD,... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa KTPT và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên, chương trình Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh thường niên, Chương trình vua bán hàng thường niên,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế vĩ mô, kế hoạch doanh, kinh tế phát triển, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh.

### **3.4.3. Hoạt động NCKH sinh viên**

Là một khoa trực thuộc của trường đại học định hướng nghiên cứu, sinh viên khoa KTPT luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Hàng năm, khoa KTPT thu hút được 04-08 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH. Với lòng say mê NCKH và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, sinh viên Khoa Kinh tế phát triển đã đạt được các giải cao trong các mùa NCKH như liên tục dành giải Nhất, Nhì NCKH cấp Học viện, giải Nhất, Nhì, Ba cuộc thi toàn quốc Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh, Giải Nhất, Nhì toàn quốc cuộc thi Vua bán hàng,... Thông qua hoạt

động nghiên cứu khoa học, sinh viên có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế và phát huy khả năng tự khám phá tri thức.

## PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

### 4.1. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
CDR1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;	x						
CDR2	Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;	x		x				
CDR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;	x				x		
CDR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;	x	x	x				
CDR5	Giải thích được cơ chế vận hành và tác động, đề xuất được ý tưởng các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;	x	x					
CDR6	Vận dụng được các nguyên lý, đánh giá được nội dung, đề xuất được một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;			x	x	x		
CDR7	Thực hiện được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;		x	x	x	x		
CDR8	Vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;		x					
CDR9	Giải thích và vận dụng được các lý thuyết phát triển kinh tế vào so sánh và đánh giá tình hình phát triển của các nền kinh tế từ cấp độ doanh nghiệp đến cấp độ quốc gia và khu vực;		x	x		x		

Ký hiệu CĐR	CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
CĐR10	Giải thích và vận dụng được các lý thuyết kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, kinh tế phát triển vào phân tích và đánh giá chính sách, phân tích và đánh giá các tình huống kinh tế và kinh doanh trong thực tiễn;			x	x	x		
CĐR11	Áp dụng được các lý thuyết kinh tế và kinh doanh đã học vào xây dựng các mô hình nghiên cứu về kinh tế và kinh doanh;			x		x	x	
CĐR12	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính và các phương pháp nghiên cứu khác để thực hiện các nghiên cứu về kinh tế và kinh doanh;	x		x				
CĐR13	Đề xuất ý tưởng, và ra quyết định về các chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội;			x				
CĐR14	Áp dụng kiến thức và kỹ năng của sinh viên khối ngành kinh tế về tài chính, kế toán, kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, marketing, quản trị vào hoạt động kinh tế và kinh doanh.			x				
CĐR15	Có thể đọc tổng hợp tài liệu, thu thập thông tin và phân tích dữ liệu để: (i) giải thích sự khác nhau giữa các mô hình phát triển kinh tế; (ii) dự báo tình hình phát triển kinh tế; (iii) phân tích và đánh giá các chính sách phát triển kinh tế xã hội;					x	x	
CĐR16	Có thể thu thập dữ liệu, sử dụng các phương pháp khoa học và các phần mềm nghiệp vụ để đánh giá các chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội;			x			x	
CĐR17	Có kỹ năng ra quyết định;						x	
CĐR18	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3						x	

Ký hiệu CĐR	CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
	theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;							
CĐR19	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;							x
CĐR20	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.							x

#### 4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
<b>1. Giáo dục đại cương</b>																						
1	LUĐC01	Pháp luật đại cương		2						3												x
2	TOĐC06	Tin học đại cương																				
3	TOCC05	Toán cao cấp			2																	x
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2				2										x					
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			2	2	2				3					x		x		x	x	
6	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2																		x		
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																		x	x
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			2	2	2				3					4		x		x	x	
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2															x		x	x	
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			2																x	
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3																		x		
12	THML04	Triết học Mác - Lênin	2																			
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2																			
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học			2	2									3						x	x
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4																		x		
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*															x	x	x			
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*																		x		
<b>Giáo dục quốc phòng</b>																						
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*																			x	x
<b>Giáo dục thể chất</b>																						

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*																			x	x
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*																			x	x
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*																			x	x
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>																						
1	QHDL07	Địa lý kinh tế				2										x						
2	TOKT05	Kinh tế lượng			2					3								x		x	x	x
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2			2	2	2					3				x		x		x	x	x
4	KHCC06	Kinh tế công cộng			2	2	2									x		x		x	x	x
5	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2			2	2	2					3				x		x		x	x	x
6	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế			2													x		x	x	x
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) – Cơ sở ngành</b>																						
1	QTHO06	Quản trị học										4			3						x	x
2	QTMC02	Marketing căn bản										4			3						x	x
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo										4			3						x	x
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán								3					3						x	x
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ			2	2									3						x	x
6	TCTH26	Thuế								3					3						x	x
7	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp			2										3						x	x
8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh			2																x	x
9	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu			2																x	x
10	LUKT31	Tư duy pháp lý		2						3											x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																				
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư			2	2	2												x		x	x	
12	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python			2																x	x	
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>																							
1	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 1			2				3			3		3	4							x	x
2	KHCO09	Đầu tư công		2								3										x	x
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế		2					3	3					3							x	x
4	KHKT11	Kinh tế phát triển			2	2	2				3		4									x	x
5	KHKT15	Kế hoạch hóa phát triển		2		2			3				4									x	x
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế																	x		x	x	
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>																							
1	QTNL03	Quản trị nhân lực											4		3							x	x
2	QTCL01	Quản trị chiến lược											4		3							x	x
3	TCKQ01	Kế toán quản trị								3					3							x	x
4	TCKH04	Kế toán tài chính								3					3							x	x
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế		2						3					3							x	x
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp											4		3							x	x
7	LUKT18	Luật thương mại		2											3				x			x	x
8	LUKT26	Pháp luật về đầu tư		2									3										
9	QTDM01	Digital Marketing				2									3							x	x
10	QTMS01	Marketing dịch vụ				2		4							3							x	x
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp									3	3										x	x



TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																				
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
12	PTDL08	Quản trị dữ liệu lớn với Apache Spark			2																x	x	
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>																							
1	KTKT08	Kinh tế phát triển 2			2	2	2					3								x		x	x
2	KTPT20	Kinh tế phát triển so sánh			2	2	2					3								x		x	x
3	KTPT17	Phân tích không gian			2		2	4							4		x	x	x			x	x
4	QTTT02	Nghiên cứu thị trường			2	2	2	4							3	x	x	x				x	x
5	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích			2		2	4							4	3	x	x	x			x	x
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>																							
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng				2							4			3						x	x
2	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư				2							3			3						x	x
3	TCTH0	Kế toán thuế														3						x	x
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK		2									3			3						x	x
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế		2												3						x	x
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R			2																	x	x
7	PTDL13	Công nghệ tài chính			2																	x	x
8	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư			2	2							4									x	x
9	TCKK25	Thị trường chứng khoán		2	2	2							4									x	x
10	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp		2																		x	x
11	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính																				x	x
12	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư		2	2							3			4			x				x	x
13	CHPT04	Kinh tế học quản lý				2			4													x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																				
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
14	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách				2			4												x	x	
15	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao				2			4												x	x	
16	CHPT11	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội				2			4												x	x	
17	CHKT03	Thẩm định dự án đầu tư công				2				4					4						x	x	
<b>8.Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp</b>																							
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp			2										3			x		x		x	x
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp			2										3			x		x		x	x
3	KTPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế			2			4	3		3				3			x		x		x	x
4	QH BV01	Phát triển bền vững				2	4	3										x		x		x	x

**Ghi chú:**

**Các mức độ của thang Bloom**

(1) Nhớ                   (2) Hiểu                   (3) Vận dụng                   (4) Phân tích                   (5) Đánh giá                   (6) Sáng tạo

(\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

## **PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### **5.1.1 Thời gian đào tạo**

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

#### **5.1.2 Cách thức thực hiện**

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 32%), Kiến thức cơ sở ngành: 40 tín chỉ (chiếm 31%) được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học. Các học phần thuộc kiến thức ngành: 13 tín chỉ (chiếm 10%); Kiến thức chuyên ngành: 28 tín chỉ (22%) và Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ (8%) được tập trung vào kỳ 6 và kỳ 7 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học. Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế (4 tín chỉ), viết khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ) nếu đủ điều kiện theo quy định. Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 132 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế, chuyên ngành Kế hoạch phát triển.

Chi tiết kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế ở Khung chương trình đào tạo.

#### **5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp**

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức  $\geq 450$  điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Được cấp chứng chỉ kỹ năng mềm theo quy định;
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

### **5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập**

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học (không tính môn học tự chọn tự do) mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ

□ Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học

□ Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng kí học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)

□ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

□ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....

□ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

□ Cách tính điểm học phần

□ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẽ đến một chữ số thập phân.

□ Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

□ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

□ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a<sub>i</sub>: là điểm của học phần thứ i

n<sub>i</sub>: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

### **5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần**

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh tế, kế hoạch phát triển doanh nghiệp, kế hoạch phát triển kinh tế và kế hoạch nguồn lực.

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm

chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.